

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



AN PHAT
BIOPLASTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 05/11/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 2.9...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 3 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Địa chỉ: Lô CN11 + CN 12, cụm CN An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203755997

Website: <https://anphatbioplastics.com/>

Email: anphat@anphatbioplastics.com

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: www.sbsi.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **ĐOÀN VIỆT KHƯƠNG**

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý và hỗ trợ thông tin

Điện thoại: 03203755997

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 05/11/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	AAA
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm bán đầu giá:	14.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	75.000.000 cổ phiếu
Phương thức phát hành:	Đấu giá công khai qua Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
Tổng giá trị chào bán:	750.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tỷ đồng) (theo mệnh giá)
Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành	2.217.599.740.000 (Hai nghìn hai trăm mười bảy tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: www.sbsi.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1.	Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh.....	7
2.	Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.....	7
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1.	Rủi ro về kinh tế.....	7
1.1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	7
1.2	Tình hình lạm phát	8
1.3	Lãi suất.....	9
1.4	Rủi ro về tỷ giá.....	9
2.	Rủi ro về luật pháp.....	10
3.	Rủi ro đặc thù.....	10
3.1.	Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa.....	10
3.2.	Rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp	12
3.3.	Rủi ro trong cung cấp dịch vụ vận tải	12
4.	Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	13
4.1	Rủi ro của đợt chào bán	
5.	Rủi ro pha loãng.....	13
5.1	Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.....	13
5.2	Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.....	14
5.3	Rủi ro về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết	14
6.	Rủi ro quản trị Công ty	14
7.	Rủi ro khác	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1.	Thông tin chung về tổ chức phát hành	17
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	18
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	21
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	21
4.1.	Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	22

4.2.	Hội đồng quản trị (HĐQT).....	23
4.3.	Ban Kiểm soát (BKS)	23
4.4.	Ban Tổng Giám đốc (TGD)	24
4.5.	Các ban chức năng	25
5.	Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	27
5.1.	Công ty mẹ của tổ chức phát hành	27
5.2.	Công ty con của tổ chức phát hành	27
5.3.	Công ty liên doanh, liên kết	30
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	31
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2019 – 2020.....	36
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	36
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	36
10.	Hoạt động kinh doanh	37
10.1.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh	37
10.1.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	38
10.1.2	Chi phí sản xuất.....	45
10.2.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	46
10.3.	Thị trường hoạt động.....	49
10.4.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	49
10.5.	Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	50
10.6.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	52
10.6.1	Vị thế của Công ty trong ngành	52
10.6.2	Triển vọng phát triển của ngành	55
10.6.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	58
10.7.	Hoạt động Marketing	59
10.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	60
10.9.	Chính sách nghiên cứu và phát triển	62
10.10.	Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty	62
11.	Chính sách đối với người lao động	63
11.1.	Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty.....	63

11.2.	Chính sách đối với người lao động	64
12.	Chính sách cổ tức	66
13.	Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	66
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	67
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:.....	67
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:	67
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.....	67
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh	67
1.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất	67
1.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	68
2.	Tình hình tài chính	71
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	78
4.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	79
4.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh	79
4.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh. lợi nhuận và cổ tức nêu trên	80
4.3	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	80
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	81
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập	81
2.	Thông tin về cổ đông lớn	82
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	85
3.1	Hội đồng quản trị	85
3.2	Ban Tổng Giám đốc	96
3.3	Ban Kiểm soát.....	100
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	103
1.	Loại cổ phiếu.....	103

2.	Mệnh giá	103
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	103
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	103
5.	Giá chào bán dự kiến.....	103
6.	Phương pháp tính giá	103
7.	Phương thức phân phối	104
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	104
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	105
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	106
11.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu	106
12.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	106
13.	Các loại thuế có liên quan	106
14.	Thông tin về các cam kết	107
15.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	107
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	107
1.	Mục đích chào bán	107
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	107
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	109
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	
XII.	PHỤ LỤC	

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 – 2020	8
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty	21
Hình 4. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2019	52
Hình 5. Top doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2019	52
Hình 6. Lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp năm 2019	53
Hình 7. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp vận tải năm 2019.....	55
Hình 8. Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024.....	56

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông tại 11/01/2021	36
Bảng 2. Doanh thu Công ty mẹ theo lĩnh vực kinh doanh	38
Bảng 3. Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh.....	38
Bảng 4. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa	42
Bảng 5. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa	44
Bảng 6. Chi tiết doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	45
Bảng 7. Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ qua các năm.....	45
Bảng 8. Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm	46
Bảng 9. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2020	47
Bảng 10. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2020.....	47
Bảng 11 : Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động.....	49
Bảng 12 : Cơ cấu lợi nhuận Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	49
Bảng 13. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	49
Bảng 14: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty	50
Bảng 15. Tình hình lao động của Công ty.....	64
Bảng 16. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất.....	67
Bảng 17. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty Mẹ.....	68
Bảng 18. Tình hình vốn điều lệ năm 2019 -2020.....	71
Bảng 19. Nguồn vốn kinh doanh 2019-2020	71
Bảng 20. Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2019-2020	71
Bảng 21. Thời gian khấu hao của các loại tài sản	72
Bảng 22. Tình hình các khoản phải thu.....	73
Bảng 23. Tình hình các khoản phải trả.....	74
Bảng 24. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước	75
Bảng 25. Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	76
Bảng 26. Các chỉ tiêu tài chính năm 2019-2020	77
Bảng 27. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất 2021	79
Bảng 28. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	83
Bảng 29: Mục đích sử dụng vốn chi tiết	108

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Ông Phạm Ánh Dương Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Lê Trung Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thùy Vân Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Giang Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Ông: Nguyễn Quang Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 0501/2021/TVPH/SBSI-AAA với Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty Cổ Phần Nhựa An Phát Xanh cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (gọi tắt là “AAA” hoặc “Công ty”) được thành lập với tầm nhìn trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á. Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

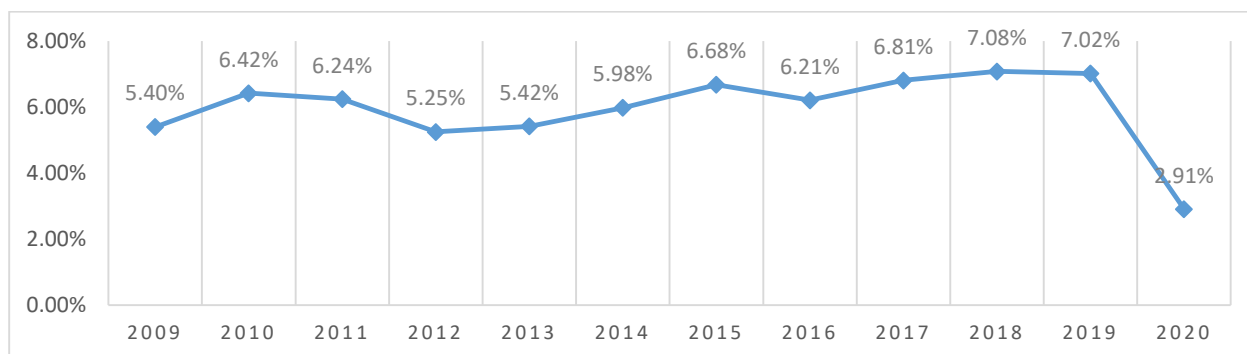
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và

tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định .v.v. đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ. Những thay đổi mang tính đột phá về thể chế kinh tế giai đoạn 2016 - 2019, dù mới chỉ là bước đầu, đã có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh nói riêng.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 – 2020



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,1% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%. Quốc hội đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2020 là mức 6,8%.

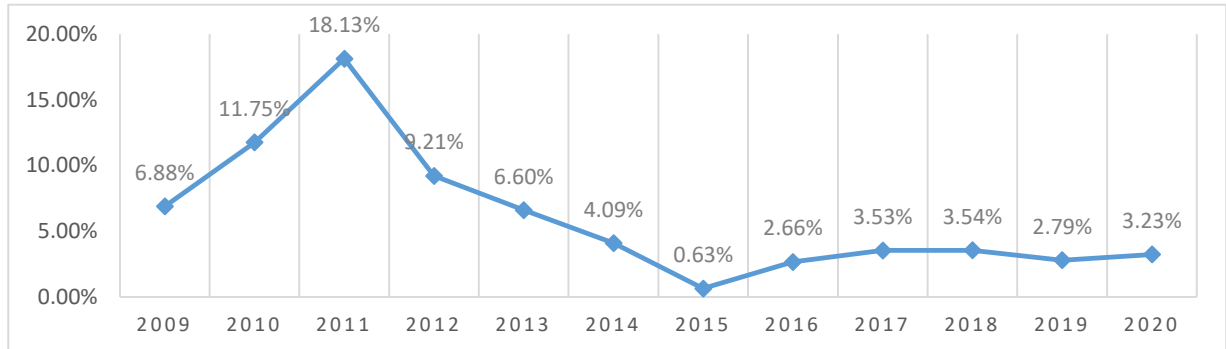
Năm 2020, dịch COVID-19 do virus Corona gây ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam sang một số thị trường chính như Trung Quốc bị sụt giảm. Tuy nhiên, do đặc thù thị trường hoạt động của Công ty xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Châu Âu nên mức độ ảnh hưởng thấp. Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2020 của Việt Nam tăng 2,91% và là một trong những nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, phản ánh được tính đúng đắn trong điều hành của Chính phủ và sự nỗ lực của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện mục tiêu vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội. Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình 7% trong giai đoạn 2021-2025 và sẽ vươn lên vị trí thứ 19 thế giới vào năm 2035.

1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng

tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016-2020, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô và tác động từ các chính sách chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm gần đây ở mức phổ biến 7 – 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty các năm tiếp theo.

Những bất ổn về lạm phát và lãi suất xảy ra vào những năm 2008 và 2010 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế đã trở thành bài học kinh nghiệm to lớn cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro liên quan đến việc lãi suất tăng đột biến gây khó khăn cho nền kinh tế sẽ khó có thể tái diễn trong thời gian tới.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư mạnh mẽ vào thị trường Việt Nam giúp tăng nguồn cung ngoại tệ, giá trị đồng tiền Việt Nam có mức ổn định cao trong điều

kiện nền kinh tế thế giới có nhiều biến động.

Khi thị trường trong nước xuất hiện biến động tỷ giá lớn, Ngân hàng Nhà nước sẵn sàng có những động thái can thiệp thị trường với cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết giúp tình hình tỷ giá những năm qua biến động trong phạm vi nhất định, không gây ra ảnh hưởng quá lớn tới doanh nghiệp và nền kinh tế.

Tỷ giá ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trên các khía cạnh nhập khẩu và xuất khẩu. Các nguyên vật liệu đầu vào hầu hết được Công ty nhập khẩu từ nước ngoài do thị trường trong nước chưa đáp ứng được nguồn nguyên vật liệu này, việc tỷ giá biến động có thể tác động trực tiếp lên chi phí sản xuất. Tuy nhiên, xuất khẩu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, được các đối tác khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ, giúp giảm thiểu tối đa các rủi ro về biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, luật pháp như luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của ngành và Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nhựa hiện được coi là một trong những ngành nghề mũi nhọn, được khuyến khích phát triển. Cụ thể, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành như:

Quyết định của Bộ Công thương số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/2011 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các mục tiêu tổng quát:

Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững;

Phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành Nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bao bì mỏng Việt Nam và là Công ty mẹ của nhiều Công ty con trong các lĩnh vực khác. Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của AAA sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi những yếu tố đặc thù của các lĩnh vực mà Công ty đang tham gia hoạt động.

3.1. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa

a. Rủi ro về cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Lĩnh vực sản xuất bao bì nói chung và bao bì thân thiện với môi trường nói riêng phát triển mạnh mẽ trong sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Số lượng của các công ty mới xâm nhập vào ngành với sự chuẩn bị và đầu tư kỹ lưỡng không ngừng gia tăng. Tuy nhiên, sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ không lớn, vòng đời sản phẩm ngắn nên doanh nghiệp luôn phải vận động không ngừng, tìm tòi sáng tạo nếu muốn tồn tại trong một môi trường kinh doanh khốc liệt.

Với ưu điểm sản phẩm chất lượng cao và uy tín, Công ty định hướng xuất khẩu toàn bộ sản phẩm cho các nhà phân phối nước ngoài, không phân phối tại thị trường trong nước. Hiện nay hơn 92% doanh thu của các dòng sản phẩm nhựa bao bì và hạt nhựa đến từ các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Với trình độ công nghệ sản xuất hiện đại, sản phẩm đạt chất lượng cao và thân thiện với môi trường, và có mối quan hệ truyền thống lâu dài với các đối tác, sản phẩm của Công ty đã được kiểm nghiệm chất lượng tại các thị trường nước ngoài, có khả năng cạnh tranh với các nhà sản xuất từ Trung Quốc hay các nước khác.

Hiện nay, ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện kế hoạch chinh phục các thị trường khó tính hơn như Mỹ và Úc. Với định hướng này, rủi ro hàng giả, hàng kém chất lượng trong nước ít ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín thương hiệu của AAA Bên cạnh đó, Công ty đã đưa ra dòng sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học và có khả năng phân hủy 100% trong thời gian từ 6 đến 12 tháng, nhằm giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường, phù hợp với thị hiếu và chính sách khuyến khích của các nước phát triển, gia tăng tiềm năng phát triển của Công ty.

b. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu

Ngành nhựa Việt Nam phải nhập khẩu 80 – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất, nguyên liệu chiếm khoảng 75% – 80% giá thành của sản phẩm. Giá nhập khẩu nguyên liệu nhựa phụ thuộc giá dầu, khí thiên nhiên, than đá trên thế giới; khi có sự thay đổi của những yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhựa, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các doanh nghiệp trong ngành chịu sự ảnh hưởng lớn từ rủi ro này, vì khi giá nguyên vật liệu đầu vào tăng nhưng các doanh nghiệp khó có thể điều chỉnh giá bán ra tăng tương ứng cùng thời điểm vì các hợp đồng đã ký trước với khách hàng. Việc không chủ động được nguyên liệu đầu vào là một hạn chế lớn đối với ngành nhựa Việt Nam. Các nhà sản xuất trong nước cũng thiết lập giá bán dựa trên mặt bằng bình quân giá nguyên liệu trên thế giới vì nguyên liệu đầu vào của các nhà sản xuất cũng phải nhập khẩu. Để giảm thiểu tối đa rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào, Công ty đã đưa ra một số biện pháp như:

- Tăng cường thiết lập mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp, ký các hợp đồng mua nguyên liệu dài hạn để đảm bảo sự ổn định về số lượng, giá cả;
- Tìm kiếm nguyên vật liệu mới có tính năng tương đương;
- Mua nguyên liệu hàng tháng theo đơn đặt hàng của khách hàng; giảm tích trữ hàng tồn kho nhằm kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn;
- Tự chủ nguồn nguyên liệu: nguyên vật liệu để sản xuất gồm hạt nhựa nguyên sinh và chất phụ

gia, trong đó CaCO_3 là một chất phụ gia quan trọng. Hiện Công ty có nhà máy sản xuất phụ gia CaCO_3 tại Yên Bái, giúp công ty tự chủ nguồn nguyên liệu phụ gia quan trọng này. Đồng thời Công ty có kế hoạch đầu tư nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao nhằm tự chủ nguồn nguyên liệu nhựa sinh học.

3.2. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp

Hoạt động kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Rủi ro trong hoạt động này có thể kể đến việc không lấp đầy hết khu công nghiệp do không đủ nhu cầu. Thêm vào đó, việc cho thuê đất trong Khu công nghiệp là vận hành cả một hệ thống rất phức tạp và ảnh hưởng lớn đến đời sống của rất nhiều người. Vì vậy, rủi ro cũng có thể đến từ việc vận hành, quản lý ví dụ không đảm bảo chất lượng an toàn lao động cho lao động trong khu công nghiệp, quản lý cháy nổ, thiên tai không tốt...

Tuy nhiên, với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Nhựa An Phát Xanh đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng vô cùng hiện đại, và có công tác quản lý sát sao khu công nghiệp để hạn chế các rủi ro này.

3.3. Rủi ro trong cung cấp dịch vụ vận tải

Dịch vụ vận tải là một trong những mắt xích quan trọng nằm trong chuỗi cung ứng, đóng vai trò lớn trong sự phát triển kinh tế xã hội, giúp cho các hoạt động lưu thông, chuyên chở hàng hóa được thực hiện nhanh chóng, dễ dàng, đưa sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp tiếp cận đến mọi vùng miền và tận tay người tiêu dùng. Tuy nhiên, hoạt động trong cung cấp dịch vụ vận tải còn nhiều khó khăn, thiếu vắng sự đồng hành của các cơ quan chức năng.

Một trong những rủi ro đối với vận tải nội địa trong những năm gần đây là sự tăng trưởng ồ ạt về mặt phương tiện của những dịch vụ vận tải tự phát, thiếu thận trọng đầu tư, thiếu vắng tính chuyên nghiệp, tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, khiến giá cước vận chuyển hàng hóa thị trường thấp kỷ lục.

Những rủi ro khác đến từ các rủi ro về tai nạn, rủi ro từ thiên nhiên do yếu tố thời tiết, gây thiệt hại đến người, phương tiện vận chuyển và hàng hóa. Con người cũng là nguyên nhân gây ra rủi ro cho hàng hóa khi vận tải trên biển ví dụ như mất cắp, mất trộm, thiếu hụt hay không giao hàng do dành động phi pháp của thuyền trưởng và thuyền viên.

Để giảm thiểu những rủi ro về cạnh tranh, AAA tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ. Cụ thể, dịch vụ vận tải của AAA có hệ thống đại lý Quốc tế, uy tín toàn cầu đảm bảo thuận lợi cho việc giao hàng, làm thủ tục hải quan, lưu kho bãi cũng như vận chuyển hàng hóa đúng thời gian, nhanh nhất và thuận tiện nhất. Công ty có văn phòng riêng cạnh sân bay quốc tế Tân sơn nhất và Nội Bài đảm bảo các dịch vụ giao nhận, khai báo Hải quan và vận chuyển hàng không một cách tiện lợi nhất... Ngoài ra, Công ty đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các Hãng hàng không trên cơ sở dựa vào thế mạnh riêng của mỗi Hãng nhằm mang lại hiệu quả cao nhất như giá cả cạnh tranh, khả năng vận chuyển tốt đặc biệt trong mùa cao điểm.

Với nền tảng pháp nhân vững chắc, cộng với uy tín tài và chất lượng hàng đầu đặn, AAA nhận được

sự ủng hộ tối đa của các đơn vị vận tải có uy tín. Với đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, nhiệt tình, năng động và có trách nhiệm, có kinh nghiệm lâu năm vận tải, thông thuộc địa hình khắp các tỉnh thành trong cả nước, các rủi ro do tai nạn và rủi ro đến từ con người được giảm thiểu đến mức tối đa.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thực hiện chào bán hết khối lượng cổ phiếu đăng ký chào bán và khi Nhà đầu tư không thực hiện mua cổ phiếu đã đặt cọc. Kết quả này phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam và nội tại cổ phiếu AAA.

Đối tượng của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá lần này là các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu, bao gồm nhưng không giới hạn các cổ đông hiện hữu của Công ty. Giá khởi điểm bán đấu giá là 14.000 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, đợt phát hành diễn ra vào thời điểm thị trường chứng khoán đang diễn ra sôi động nên nhà đầu tư có thêm nhiều cơ hội để lựa chọn và cân nhắc, từ đó có thể dẫn đến rủi ro cổ phiếu phát hành thêm không được mua hết.

Trong trường hợp kết quả chào bán không đạt được như kế hoạch, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chào bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động của Công ty có nhu cầu và/hoặc các nhà đầu tư khác quan tâm với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm thêm nguồn tài trợ khác để bảo đảm huy động vốn đủ phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Do Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức đấu giá công khai qua Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, nên giá cổ phiếu AAA sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật sau khi chào bán, các rủi ro có thể xuất hiện bao gồm rủi ro pha loãng EPS, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và tỷ lệ nắm giữ quyền biểu quyết.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng so với cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$(*) \text{ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{A \times 12 + B \times t}{12}$$

A: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán (cổ phiếu)

B: Số lượng cổ phiếu chào bán (cổ phiếu)

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.2 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 33,82% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.3 Rủi ro về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Trong đợt chào bán tăng vốn điều lệ, Công ty thực hiện đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bao gồm các cổ đông hiện hữu. Do đó, các cổ đông hiện hữu không được tham gia mua sẽ tự động giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu và quyền biểu quyết tương ứng.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cần tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,... trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“AAA”)
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - Người quản lý doanh nghiệp;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/AAA : Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- SBSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- CBTT : Công bố thông tin
- CP : Cổ phiếu
- NNB&CDL : Người nội bộ và cổ đông lớn

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH
- Tên tiếng Anh: AN PHAT BIOPLASTICS JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính: Lô CN 11 + CN 12, cụm Công Nghiệp An Đồng, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: (84) 2203 755 997
- Website: <https://anphatbioplastics.com/>
- Email: anphat@anphatbioplastics.com
- Giấy CNĐKKD: 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 05 tháng 11 năm 2020.
- Đại diện pháp luật: Ông Phạm Ánh Dương
- Mã chứng khoán: AAA (niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh)
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hải Dương
- Số tài khoản: 46010000039797
- Vốn điều lệ 2.217.599.740.000 (Hai nghìn hai trăm mười bảy tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4299
2	Sản xuất các sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE);	2220 (chính)
3	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ ngành nhựa	2829
4	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Mua bán hàng may mặc	4641
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyển giao công nghệ ngành nhựa	
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì các loại	4669

Nguồn: AAA

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (tên cũ là Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát) được thành lập ngày 09/03/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng và là thành viên của Hiệp hội nhựa Việt Nam, thành viên của Hiệp hội những nhà sản xuất sản phẩm lớn Quốc tế (APS). Với nguồn cán bộ, nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, cùng hơn 1.900 công nhân lành nghề, Công ty đang phấn đấu nỗ lực hết mình, không ngừng cải thiện dây chuyền kỹ thuật, công nghệ sản xuất để trở thành doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh:

• Tháng 09/2002	Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập
• Tháng 04/2004	Trước sự tăng trưởng nhanh chóng về quy mô thị trường và nhu cầu sản xuất, Công ty đã thuê 10.000 m ² đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005 với công suất 14.400 tấn/năm đã chiếm lĩnh được thị trường và đưa Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì lớn nhất miền Bắc.
• Tháng 06/2005	UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận cho Công ty thuê 19.967 m ² đất tại lô CN3 cụm Công nghiệp An Đồng trong thời gian 25 năm. Công ty đã đền bù, giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất bao bì nhựa số 2.
• Năm 2007	Chuyển đổi Công ty thành Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát, đăng ký với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
• Tháng 02/2008	Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 14.400 tấn/năm, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động.

• Tháng 09/2009	Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m ² đi vào hoạt động với sản phẩm chiến lược là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng 14.400 tấn/năm.
• Tháng 11/2009	Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường”.
• Tháng 06/2010	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát được UBCKNN chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.
• Tháng 07/2010	Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
• Tháng 10/2010	Nhà máy sản xuất CaCO ₃ của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
• Tháng 08/2011	Nhà máy sản xuất số 2 mở rộng của An Phát đi vào hoạt động, nâng công suất của toàn nhà máy 2 lên 22.800 tấn sản phẩm/năm.
• Tháng 12/2013	Nhà máy sản xuất số 5 hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy được xuất khẩu sang Nhật Bản.
• Tháng 11/2016	Sau hơn 6 năm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, AAA đã chuyển sang sàn HOSE. Đây được xem là một bước tăng cơ hội tiếp cận các nguồn vốn đầu tư của AAA.
• Năm 2017	Hoàn thành và đưa vào vận hành Nhà máy 6 cho thị trường Nhật Bản và Nhà máy 7 cho thị trường Hoa Kỳ, nâng tổng công suất sản xuất bao bì của AAA lên 100.000 tấn/năm. Nhà máy sản xuất hạt phụ gia nhựa của Công ty với công suất 96.000 tấn/năm được đưa vào vận hành.
• Năm 2018	Đầu tư sở hữu 100% vốn điều lệ tại Công ty con – Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát. Công ty thực hiện ra mắt các sản phẩm bao bì thân thiện môi trường tại thị

	trường Việt Nam dưới thương hiệu ANECO và Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát hoàn thiện các thủ tục đầu tư, bước đầu đi vào vận hành.
• Năm 2019	Công ty bắt đầu khởi công xây dựng Nhà máy 8. Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Nhựa An Phát Xanh, khẳng định quyết tâm trở thành doanh nghiệp xanh.
• Năm 2020	Công ty đầu tư vào công ty con CTCP Nhựa và Bao bì An Vinh, chuyên sản xuất các loại bao bì công nghiệp với công suất 12.000 tấn/năm

Các quyết định khen thưởng đạt được:

Năm 2009:

- Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 054 ngày 31/08/2009;
- Được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 3569 ngày 07/10/2009.

Năm 2010: Được Ban Truyền hình đối ngoại - Đài THVN tặng bằng khen QĐ số 05 ngày 29/01/2010

Năm 2011:

- Được Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tặng Bằng khen QĐ số 155B/QĐ/KT-TWH ngày 23/12/2011;
- Được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng bằng khen QĐ số 0431/MTM-TDKD ngày 2/3/2011;
- Được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng bằng khen QĐ số 17 ngày 14/01/2011;
- Được Liên đoàn Lao động tỉnh Hải Dương tặng Cờ thi đua QĐ số 159/QĐKT-LĐLĐ ngày 16/12/2011.

Năm 2012: Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc năm 2012.

Năm 2013:

- Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách trao tặng chứng nhận số 92/QĐ-UBND Chứng nhận Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đạt danh hiệu doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự năm 2012;
- Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen 867/QĐ-UBND cho Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Năm 2014: Bộ Công thương tặng bằng khen số 6546/QĐ-BCT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.

Năm 2018: AAA lọt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam (50 Vietnam Best Growth) do VNR và báo Vietnamnet trao tặng.

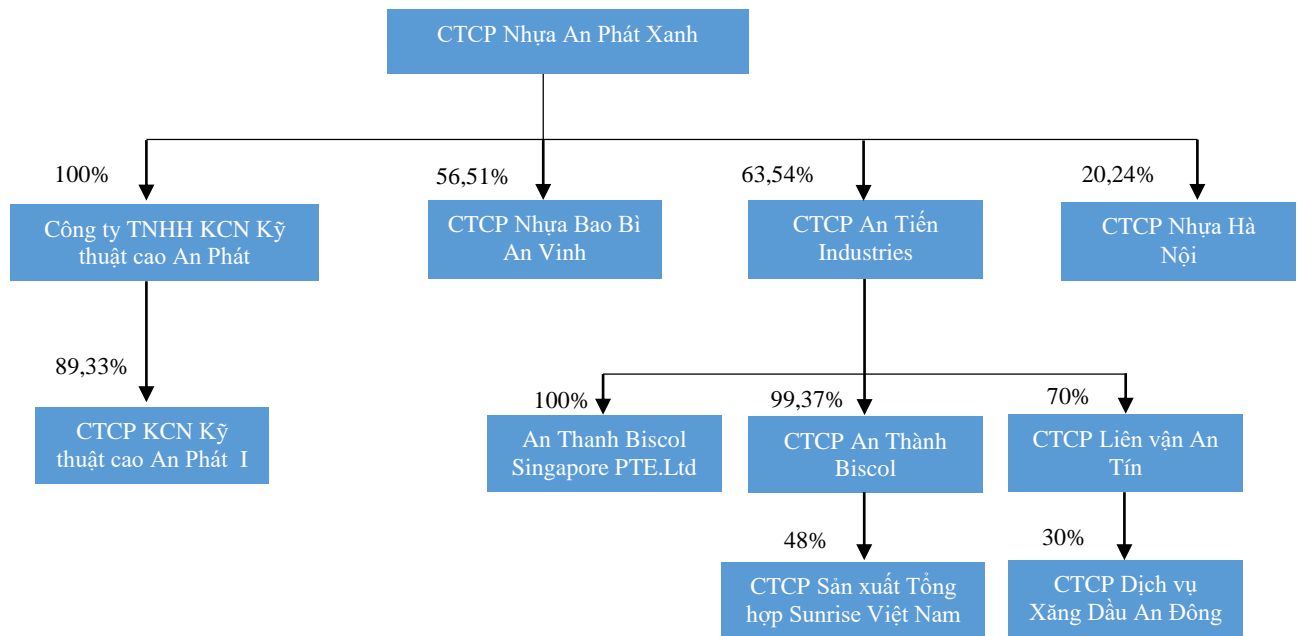
Năm 2019: AAA lọt Top các Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công thương bình chọn; nhận Giải vàng Chất lượng Quốc gia.

Năm 2020: AAA tiếp tục lọt Top các Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín do Bộ Công thương bình chọn, Top 63/500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 30 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty có 07 công ty con và 03 công ty liên kết, chi tiết các công ty được trình bày ở mục 5.2.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: AAA

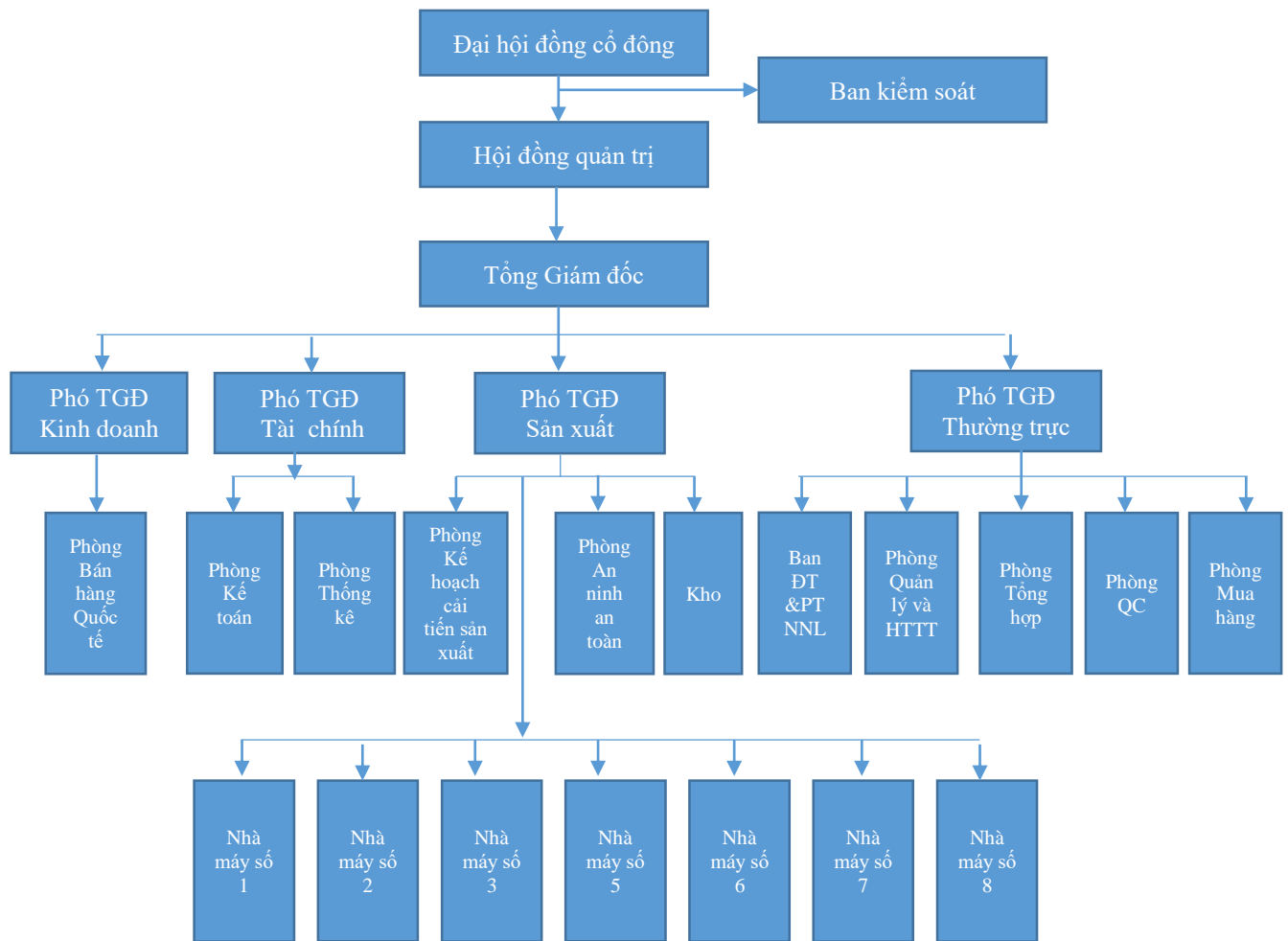
(*) tỷ lệ biểu quyết tại AAA tại các Công ty con/Công ty liên kết

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đang áp dụng theo mô hình tổ

chức của công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu như sau:

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: AAA

4.1. Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của

- HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
 - Quyết định số thành viên HĐQT;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Phạm Ánh Dương | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Lê Trung | Thành viên HĐQT |
| - Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên HĐQT |
| - Ông Đinh Xuân Cường | Thành viên HĐQT |
| - Bà Hòa Thị Thu Hà | Thành viên HĐQT |
| - Bà Trần Thị Thoản | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Tiễn | Thành viên HĐQT |

4.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|------------------------|------------|
| – Bà Nguyễn Thị Giang | Trưởng ban |
| – Bà Nguyễn Thị Phương | Thành viên |
| – Bà Văn Thị Lan Anh | Thành viên |

4.4. Ban Tổng Giám đốc (TGD)

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của HĐQT

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-----------------------|---------------------------------------|
| – Ông Nguyễn Lê Trung | Tổng Giám đốc |
| – Bà Hòa Thị Thu Hà | Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính |
| – Bà Trần Thị Thoản | Phó Tổng Giám đốc thường trực |
| – Ông Ngô Văn Thụ | Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất |
| – Bà Lâm Thị Hiền | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh |

4.5. Các ban chức năng

Ban thư ký là bộ phận tham mưu giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Ban thư ký có chức năng tập hợp các yêu cầu, đề xuất của các bộ phận gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, thực hiện các thủ tục về quản lý cổ đông, pháp chế của Công ty.

Phòng bán hàng quốc tế: là phòng tìm kiếm các khách hàng quốc tế, đối tác, thị trường tiêu thụ để thực hiện triển khai bán hàng để đạt doanh thu theo mục tiêu Ban Tổng Giám đốc đưa ra. Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các công tác liên quan đến sản xuất kinh doanh.

Phòng Kế toán: Phòng Kế toán thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty. Kế toán trưởng là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước;

Phòng thống kê là bộ phận chịu trách nhiệm công tác kiểm kê hàng hóa, nguyên vật liệu và thành phẩm sản xuất hàng tháng, hàng quý; thực hiện kiểm hàng các đơn hàng với khách hàng nếu có phát sinh yêu cầu; theo dõi và cung cấp báo cáo sản lượng hàng ngày cho các tổ; duyệt phiếu nhập – xuất; theo dõi thu chi của các Nhà máy;....

Phòng kế hoạch cải tiến sản xuất: là bộ phận thực hiện công tác thu mua nguyên liệu, công cụ, dụng cụ và các trang thiết bị khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Phòng An ninh an toàn (ANAT) là bộ phận được giao bảo vệ tất cả các loại tài sản và bảo vệ trật tự an ninh của Công ty; bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản của cán bộ, công nhân viên của Công

ty khi bị xâm phạm trong khu vực Công ty.

Kho phụ trách công tác nhập thành phẩm, phế từ sản xuất; xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào sản xuất; nhập xuất nội bộ, bán hạt nhựa và quản lý hàng tồn kho.

Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực là bộ phận được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên.

Phòng Quản lý và Hỗ trợ thông tin là bộ phận chịu trách nhiệm về việc đảm bảo vận hành của hệ thống thông tin: hệ thống điện thoại, hệ thống internet, hệ thống mạng wan, hệ thống mạng lan, các máy chủ, máy trạm. Tư vấn và triển khai giải pháp công nghệ thông tin ứng dụng phù hợp vào môi trường thực tế. Chịu trách nhiệm về việc cập nhật thông tin hoạt động của công ty trên các trang điện tử, công bố thông tin tới UBCK và HOSE theo quy định.

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý tổ chức, quản lý nhân sự, tuyển dụng và sử dụng lao động trong Công ty, quản lý các công việc hành chính hàng ngày của Công ty. Thực hiện tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và các bộ phận khác về việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động, xây dựng nội quy, quy chế của Công ty.

- Lập danh sách người lao động trong công ty; giúp Tổng Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ; đề nghị nâng lương, nâng bậc hàng năm cho cán bộ công nhân viên;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động an toàn thực phẩm;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của Công ty...

Phòng mua hàng là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện công tác tìm kiếm phát triển nhà cung cấp vật tư, nguyên liệu; thực hiện công tác đàm phán giá cả với các nhà cung cấp để có được mức giá hợp lý dựa theo giá cả thị trường; tiếp nhận nhu cầu mua hàng của các bộ phận liên quan và tiến hành đặt đơn hàng gửi nhà cung cấp; thực hiện soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng nguyên tắc; theo dõi tiến độ giao hàng của nhà cung cấp để đáp ứng lịch sản xuất của các nhà máy; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh về hàng hóa với các nhà cung cấp như các vấn đề liên quan đến chất lượng, tiến độ giao hàng;...để đảm bảo việc sản xuất được thông suốt.

Phòng kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC) là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn.

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ;
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: Nguyên liệu, phế liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; Hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu.

Các nhà máy sản xuất của Công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và các kế hoạch cụ thể của Công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập về chi phí sản xuất và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các tổ sản xuất, Hành chính, Kế toán, QC, Kỹ thuật, Kho vận, ANAT. Điều hành mỗi nhà máy sản xuất là 1 Giám đốc nhà máy.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Địa chỉ: Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 1.466.773.390.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020
- HĐKD chính : Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
- Tỷ lệ lợi ích tại AAA : 53,18%
- Tỷ lệ biểu quyết tại AAA : 53,18%

5.2. Công ty con của tổ chức phát hành

a. Công ty con sở hữu trực tiếp

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Vốn điều lệ : 320.275.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/11/2020
- HKKD chính : Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 63,54%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 63,54%

Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát

- Tên Công ty : Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 910.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801225485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 27/10/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/04/2019
- HKKD chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 100%

Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì An Vinh
- Địa chỉ : Lô CN11+CN12, cụm CN An Đồng, Nam Sách, tỉnh Hải Dương

- Vốn điều lệ : 430.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801235451 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/12/2017, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 17/06/2020
- HĐKD chính : sản xuất bao Jumbo, Sling, túi PP các loại
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 56,51%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 56,51%

b. Công ty con sở hữu gián tiếp

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 375.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801298395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/09/2019, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 30/06/2020.
- HĐKD chính : Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 89,33%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 89,33%

An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd

- Tên Công ty : An Thanh Bicsol Singapore PTE, Ltd
- Địa chỉ : Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
- Vốn điều lệ : 100 SGD, 667.675 USD
- Giấy CN ĐKKD : 201720061M
- HĐKD chính : Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 63,54%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 100%

Công ty cổ phần An Thành Bicol

- Tên Công ty : Công ty cổ phần An Thành Bicol
- Địa chỉ : Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 159.400.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801208793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần đầu ngày 22/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/04/2019
- HKKD chính : Kinh doanh hạt nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 74,12%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 99,37%

Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín
- Địa chỉ : Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0801177672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 16/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/09/2020
- HKKD chính : Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 44,48%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 70%

5.3. Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Địa chỉ : Tổ 12, phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội
- Vốn điều lệ : 364.440.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKKD : 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/12/2020

- HĐKD chính : Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử, viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 20,24%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 20,24%

Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam
- Địa chỉ : Lô CN 11- CN 12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801279667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2019
- Hoạt động kinh doanh chính : Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 35,58%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 48%

Công ty cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông
- Địa chỉ : Lô B1, Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Tp. Hải Dương, Hải Dương
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0801332007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần thứ nhất ngày 12/08/2020
- Hoạt động kinh doanh chính : Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Tỷ lệ lợi ích của AAA : 13,34%
- Tỷ lệ biểu quyết của AAA : 30%

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH vào tháng 09/2002 với số vốn điều lệ là 500 triệu đồng. Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần tại ngày 09/03/2007 là 30 tỷ đồng. Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 2.217.599.740.000 đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 15 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở

rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 4/2007 tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 1403/2007/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 60.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.000.000 cổ phần

Lần 2: Tháng 12/2007 tăng vốn từ 60 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 3011/2007/QĐ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 60.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 66.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 40.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 600.000 cổ phần

Lần 3: Từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010 tăng vốn từ 66 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 1704/2010/NQ –ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ trước phát hành: 66.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 99.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 37.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.300.000 cổ phần

Lần 4: Ngày 26/11/2012 tăng vốn từ 99 tỷ đồng lên 198 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1106/2012/NQ- ĐHĐCĐ

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 99.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 198.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 9.900.000 cổ phần

Lần 5: Ngày 13/10/2014 tăng vốn từ 198 tỷ đồng lên 396 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 số 0105/2014/NQ-ĐHĐ ngày 26/5/2014

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 198.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 396.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 11.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 19.800.000 cổ phần

Lần 6: Ngày 06/10/2015 tăng vốn từ 396 tỷ đồng lên 494.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết HĐQT số 1208/2015/NQ- HĐQT của HĐQT

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 396.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100:25 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận thêm 25 cổ phần)
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 9.899.988 cổ phần
- Số lượng cổ đông được phân phối cổ phần: 1.507 cổ đông

Lần 7: Ngày 09/05/2016 tăng vốn từ 494.999.880.000 đồng lên 518.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19/03/2016

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 494.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.400.000 cổ phần

Lần 8: Ngày 23/12/2016, tăng vốn từ 518.999.880.000 đồng lên 569.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 1 theo Nghị quyết HĐQT số 0711/2016/NQ-HĐQT ngày 07/11/2016

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 518.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 569.649.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.065.000 cổ phần

Lần 9: Ngày 01/06/2017, tăng vốn từ 569.649.880.000 đồng lên 586.649.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1802/2017/NQ-ĐHĐ ngày 18/02/2017

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 569.649.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 586.649.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 1.700.000 cổ phần

Lần 10: Ngày 16/06/2017, tăng vốn từ 586.649.880.000 đồng lên 592.499.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 2 theo Nghị quyết HĐQT số 2905/2017/NQ-HĐQT ngày 29/05/2017

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 586.649.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 592.499.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 585.000 cổ phần

Lần 11: Ngày 08/12/2017, tăng vốn từ 592.499.880.000 đồng lên 835.999.880.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền đợt 3 theo Nghị quyết HĐQT số 0611/2017/NQ-ĐHĐ ngày 06/11/2017

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 592.499.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 835.999.880.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 24.350.000 cổ phần

Lần 12: Tháng 05/2018, tăng vốn từ 835.999.880.000 đồng lên 1.671.999.760.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỉ lệ 1:1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 8/2/2018.

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 835.999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.671.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 14.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ phát hành: 1:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần được nhận thêm 1 cổ phần)
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 83.599.988 cổ phần

Lần 13: Tháng 09/2018, tăng vốn từ 1.671.999.760.000 đồng lên 1.711.999.760.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 8/2/2018

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.671.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.711.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

Lần 14: Tháng 07/2020, tăng vốn từ 1.711.999.760.000 đồng lên 2.111.999.760.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền lần 2 theo Nghị quyết HĐQT số 010703/2020/NQ-HĐQT ngày 01/07/2020.

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.711.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 2.111.999.760.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Giá phát hành: 14.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 40.000.000 cổ phần

Lần 15: Tháng 10/2020, tăng vốn từ 2.111.999.760.000 đồng lên 2.217.599.740.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 250301/2020/NQ – ĐHĐ ngày 25/03/2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 280801/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/08/2020.

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu: UBCKNN
- Vốn điều lệ trước phát hành: 2.111.999.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 2.217.599.740.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100:5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận thêm 5 cổ phần)

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 10.559.998 cổ phần

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2019 – 2020

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông tại 11/01/2021

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	10.326	214.745.745	96,84%
• Cổ đông tổ chức	40	120.886.080	54,51%
• Cổ đông cá nhân	10.286	93.859.665	42,32%
• Cổ đông ưu đãi	-	-	-
II. Cổ đông nước ngoài	201	7.014.229	3,16%
1. Cổ đông tổ chức	20	4.802.121	2,16%
2. Cổ đông cá nhân	181	2.212.108	1,00%
3. Cổ đông ưu đãi	-	-	-
III. Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng	10.527	221.759.974	100%
Trong đó:			
- Cổ phiếu phổ thông	10.527	221.759.974	100%
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-

Nguồn: AAA

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Hiện tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Căn cứ Công văn số 5383/UBCK-PTTT ngày 03/09/2020 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%. Do

vậy, nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Công ty. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của NĐTNN tại Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 11 tháng 01 năm 2021 là 3,16%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty bao gồm sản xuất bao bì màng mỏng; sản xuất và phân phối nguyên vật liệu hóa chất ngành nhựa; cung cấp các dịch vụ logistics và kinh doanh bất động sản khu công nghiệp. Hiện nay Công ty có 7 nhà máy sản xuất bao bì màng mỏng, 1 nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp và 1 nhà máy sản xuất phụ gia CaCO₃:

- **Nhà máy số 1** được xây dựng từ năm 2004 trên diện tích 9.744 m², tại Khu công nghiệp Nam Sách - Thành Phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương, bắt đầu hoạt động vào năm 2005 với các sản phẩm là bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp và sản xuất hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màu. Công suất thiết kế của Nhà máy số 1 khoảng 14.400 tấn/năm.
- **Nhà máy số 2** bắt đầu đi vào hoạt động vào tháng 3/2008 với công suất thiết kế đạt 22.800 tấn/năm. Được khởi công xây dựng vào tháng 5/2007 tại Cụm công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương trên diện tích 19.967 m², nhà máy được trang bị các dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc.
- **Nhà máy số 3** chính thức đi vào hoạt động từ tháng 9/2009, với sản phẩm chiến lược là túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm và có sản lượng khoảng 14.400 tấn/năm.
- **Nhà máy số 5** được khởi công xây dựng từ 2012 với công suất 8.400 tấn/năm chuyên sản xuất túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy xuất khẩu đi Nhật Bản.
- **Nhà máy số 6** được đầu tư với tổng kinh phí 500,6 tỷ đồng. Nhà máy được đầu tư với công suất thiết kế đạt 38.400 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản. Tháng 6 năm 2016 Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động giai đoạn 1.
- **Nhà máy số 7** chuyên sản xuất các sản phẩm mới, đặc trưng của thị trường Hoa Kỳ như túi draw-tape và draw-string với công suất thiết kế đạt 9.600 tấn sản phẩm/năm.
- **Nhà máy số 8** chuyên sản xuất hạt nhựa và bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn, đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử chưa đưa vào sản xuất.
- **Nhà máy An Vinh** chuyên sản xuất bao bì công nghiệp (bao Jumbo, Sling) có diện tích 32.000m² với công suất thiết kế 12.000 tấn/năm
- **Nhà máy An Phát - Yên Bái** là nhà máy duy nhất của An Phát sản xuất nguyên liệu ngành nhựa, bột đá vôi siêu mịn (CaCO₃) đạt tiêu chuẩn quốc tế, với công suất thiết kế khoảng 96.000 tấn bột đá/năm và 96.000 tấn phụ gia nhựa/năm.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang tính mùa vụ mà liên tục diễn ra trong năm. Tất cả các nhà máy của An Phát đều có dây chuyền sản xuất được nhập khẩu từ Đài Loan, Singapore và Nhật Bản. Hiện tại, Công ty sở hữu 3 Công ty con trực tiếp là Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát, Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh và Công ty Cổ phần An Tiến Industries (HII) và 04 Công ty con sở hữu gián tiếp.

Bảng 2. Doanh thu Công ty mẹ theo lĩnh vực kinh doanh

		2019	2020
TT	Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (VNĐ)
1	Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	5.832.863.518.626	4.420.544.498.130
	Tổng cộng	5.832.863.518.626	4.420.544.498.130

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC tự lập năm 2020

10.1.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ 03 hoạt động kinh doanh: Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì, kinh doanh nhà xưởng, cung cấp dịch vụ. Trong đó, sản xuất bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì là hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất, lên đến 97,6 % tổng doanh thu năm 2020.

Bảng 3. Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

		2019		2020	
TT	Chi tiết	Giá trị (triệu VNĐ)	% doanh thu	Giá trị (triệu VNĐ)	% doanh thu
1	Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	8.479.990	91,4%	7.260.082	97,6%
2	Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê nhà đất và hạ tầng khu công nghiệp	706.862	7,62%	72.405	0,97%
3	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và hoạt động khác	91.399	0,98%	105.762	1,42%
	Tổng cộng	9.278.251	100%	7.438.249	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, BCTC hợp nhất tự lập 2020

a. Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa

Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì là lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu của toàn Công ty. Các sản phẩm nhựa của AAA có thể chia làm các loại chính:

- Sản phẩm và nguyên liệu sinh học phân hủy hoàn toàn;
- Bao bì;
- Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa.

• Sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học phân hủy hoàn toàn

Sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn của Công ty hiện đang được biết đến tại cả thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường nước ngoài, khách hàng chủ yếu của Công ty là các chuỗi siêu thị, bán lẻ từ Châu Âu, sản phẩm xuất khẩu chủ lực là túi tự hủy sinh học. Tại thị trường trong nước, các sản phẩm tự hủy của Công ty được biết đến dưới thương hiệu AnEco. Các sản phẩm Aneco bao gồm: Túi sinh học phân hủy hoàn toàn thân thiện với sức khỏe con người và môi trường và các sản phẩm khác như dao, thìa, nĩa, ống hút, cốc giấy, găng tay sinh học phân hủy hoàn toàn.

Sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn đã được Nhựa An Phát Xanh nghiên cứu và tối ưu hóa theo tiêu chuẩn dành cho nhựa sinh học của Châu Âu. Với nguồn nguyên liệu đạt chuẩn bao gồm tinh bột ngô, nhựa tự hủy sinh học an toàn cho sức khỏe con người PBAT, PLA (nhập trực tiếp từ CHLB Đức), sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn của Tập đoàn đã trở thành sản phẩm đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ OK compost HOME (TUV Austria), một trong những chứng chỉ khắt khe nhất về khả năng tự hủy của nhựa sinh học. Theo đó tiêu chuẩn trên, sản phẩm tự hủy sinh học sẽ phân hủy hoàn toàn thành nước, CO₂ và mùn nuôi cây trong vòng 1 năm tại môi trường chôn lấp thông thường mà không cần qua xử lý công nghiệp đặc biệt nào.









- Bao bì**





Màng bao bì nhựa và hạt nhựa là mảng sản xuất cốt lõi của Công ty. Ngoài Công ty mẹ, các công ty con khác tham gia hoạt động trong mảng này gồm có: Công ty Cổ phần An Tiến Industries, An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd, Công ty Cổ phần An Thành Bicsol.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp hàng đầu hiện nay trong lĩnh vực sản xuất bao bì thân thiện với môi trường và là một trong những doanh nghiệp sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Việt Nam. Bằng sự nỗ lực không mệt mỏi, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã dần phát triển vươn lên thành doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín chuyên sản xuất các loại bao bì màng mỏng nói chung và bao bì tự hủy nói riêng. Với toàn bộ dây chuyền sản xuất hiện đại và đội ngũ công nhân vận hành giàu kinh nghiệm, sản phẩm của Công ty được các đối tác nước ngoài bao

tiêu, trong đó chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Châu Âu. Đồng thời, Công ty cũng được biết đến là thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thương mại hạt nhựa cho các nhà máy Việt Nam.

Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong mảng bao bì nhựa và hạt nhựa hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi... Chi tiết từng loại sản phẩm như sau:

Túi Flat cuộn/Túi Gấp C cuộn/Màng Sheet Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-30 mic • LDPE 22-40 mic • MDPE 12-35 mic • Tái chế LDPE 14-95 mic • Tự hủy 11-50 mic Chiều rộng: 100-1100 mm Chiều dài: 120-1900 mm Số màu in: 1-4 	Túi T-shirt cuộn/ Túi cuộn T-shirt gấp C Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-64 mic • LDPE 18-50 mic • MDPE 12-50 mic • Tái chế LDPE 14-65 mic • Tự hủy 11-40 mic Chiều rộng: 100-850 mm Chiều dài: 120-1500 mm Số màu in: 1-4 
Túi Flat rời Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 10-35 mic • LDPE 20-95 mic • MDPE 15-55 mic • Tái chế LDPE 15-95 mic • Tự hủy 15-40 mic Chiều rộng: 400-1100 mm Chiều dài: 400-1600 mm Số màu in: 1-4 	Túi T-shirt/ Túi Block T-shirt/Túi T-shirt Knot Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 12-50 mic • LDPE 22-60 mic • MDPE 13-55 mic • Tái chế LDPE 15-70 mic • Tự hủy 15-40 mic Chiều rộng: 150-650 mm Chiều dài: 320-800 mm Số màu in: 1-4 
Túi Die Cut Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 16-30 mic • LDPE 30-40 mic • MDPE 16-35 mic Chiều rộng: 250-500 mm Chiều dài: 300-800 mm Số màu in: 1-4 	Túi Drawtape Độ dày: <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 10-35 mic • LDPE 20-35 mic • MDPE 14-40 mic • Tái chế LDPE 15-35 mic Chiều rộng: 400-1150 mm Chiều dài: 450-1400 mm Số màu in: 2 

Túi đựng thực phẩm	Túi không quai gấp sao/ Túi cuộn không quai gấp sao/ Túi cuộn có quai gấp sao/ Túi cuộn cắt S gấp sao
<p>Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 8-40 mic • LDPE 20-150 mic • MDPE 8-40 mic <p>Chiều rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • LDPE 160-235 mm • HDPE 350-450 mm • MDPE 350-450 mm <p>Chiều dài: 100-700 mm</p> 	<p>Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-50 mic • LDPE 20-70 mic • MDPE 16-50 mic • Tái chế LDPE 14-70 mic • Tự hủy 14-50 mic <p>Chiều rộng: 180-850 mm</p> <p>Chiều dài: 300-1700 mm</p> <p>Số màu in: 1-4</p> 
Túi Block Header	Màng film nông nghiệp
<p>Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HDPE 6-50 mic • LDPE 18-95 mic • MDPE 16-35 mic • Tái chế LDPE 20-95 mic • Tự hủy 15-30 mic <p>Chiều rộng: 100-750 mm</p> <p>Chiều dài: 120-1200 mm</p> <p>Số màu in: 1-4</p> 	<p>Độ dày:</p> <ul style="list-style-type: none"> • LLDPE 25-150 mic • Tự hủy 25-150 mic <p>Chiều rộng: 1500-2500 mm</p> <p>Màng đơn lớp, đa lớp</p> 

Bảng 4. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất bao bì nhựa

Đơn vị: Tấn

Nhà máy	Loại sản phẩm	2018		2019		2020	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Số 1	Bao bì đựng thực phẩm, túi rác, màng ni-lon chuyên dùng trong nông nghiệp,	12.718	12.870	13.937	14.179	13.960	14.369

	hạt nhựa tái chế HDPE, LDPE nhiều màn						
Số 2	Bao bì nhựa	20.729	20.498	19.909	20.224	20.532	20.038
Số 3	Túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm	13.022	12.895	13.542	13.561	14.438	14.172
Số 5	Túi T-shirt, Hàng Flat từ nguyên liệu nguyên sinh và tự hủy	20.731	17.964	24.265	20.503	26.293	23.996
Số 6	Sản phẩm bao bì nhựa cao cấp	18.209	17.462	19.935	19.863	19.310	18.730
Số 7	Túi draw-tape và draw-string	7.325	4.586	8.386	7.375	8.974	7.961
Tổng		92.734	86.275	99.974	95.705	103.506	99.267

Nguồn: AAA

Bên cạnh đó, năm 2020, AAA bắt đầu sản xuất bao bì công nghiệp thông qua việc đầu tư vào CTCP Nhựa và Bao bì An Vinh. Sản phẩm chính của công ty bao gồm bao jumbo, bao sling, bao PP dệt có thể chứa tải trọng lớn, được sử dụng rộng rãi trong các ngành phân bón, nông sản, dược phẩm, hóa chất,... Nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp của Công ty được đầu tư với trang thiết bị hiện đại, quy mô hàng đầu Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn ISO 9001, 14001 và 22000. Công suất thiết kế của nhà máy là 1000 tấn bao bì/tháng. Tính từ thời điểm hợp nhất 1/7/2020 đến 31/12/2020, sản lượng sản xuất và tiêu thụ bao bì công nghiệp lần lượt là 3.495 tấn và 3.492 tấn.

- Nguyên vật liệu và hóa chất ngành nhựa**

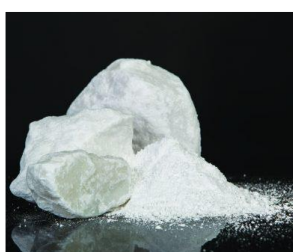
Hoạt động kinh doanh nguyên liệu và hóa chất ngành nhựa được Nhựa An Phát Xanh phát triển từ năm 2009 với việc thành lập của Công ty Cổ phần An Tiên Industries (trước đây là Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái).

Sản phẩm chính của công ty là hạt phụ gia ANCAL (PE và PP) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa, giúp giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Hạt phụ gia ANCAL còn được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như bột bả, sơn,

công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy... Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất hai loại nguyên liệu nhựa khác là hạt độn trắng trong BaSO₄ và hạt độn màu. Các sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ nội địa.



Hạt phụ gia AnCal



Bột đá



Hạt màu

Bảng 5. Sản lượng tại các nhà máy sản xuất hạt nhựa

Đơn vị: Tấn

Nhà máy	Loại sản phẩm	2018		2019		2020	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Nhà máy sản xuất hạt phụ gia	Hạt phụ gia nhựa	48.728	47.783	77.682	78.018	73.802	73.174
Nhà máy sản xuất bột đá	Bột đá	53.122	12.911	67.618	17.708	90.191	29.920
Tổng		101.850	60.694	145.300	95.726	163.993	103.094

Nguồn: AAA

b. Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Từ năm 2018, Công ty đã mở rộng lĩnh vực kinh doanh mảng bất động sản công nghiệp với dự án Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát (An Phát Complex) có diện tích 46ha tại Km47, Quốc lộ 5,

Thành phố Hải Dương. Hệ sinh thái của khu công nghiệp An Phát Complex được xây dựng bài bản, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng, đón đầu làn sóng dịch chuyển, mở rộng sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài.

Bảng 6. Chi tiết doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu	Năm 2019 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu cho thuê bất động sản	21.433.566.916	72.405.381.606
Doanh thu cho thuê đất	223.248.018.000	-
Doanh thu bán nhà xưởng	462.180.348.221	-
Tổng cộng	706.861.933.137	72.405.381.606

Nguồn: AAA

Hiện nay, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt trên 70% với đơn giá bán đất là 80 USD/m², đơn giá cho thuê nhà xưởng là 4 USD/m²/tháng.

c. Cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động khác

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đến từ dịch vụ vận tải của công ty con – Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (ATZ). Dịch vụ vận tải của công ty bao gồm: Vận tải nội địa, giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không, dịch vụ hải quan, dịch vụ logistics và kho bãi. Dịch vụ vận tải này đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của tập đoàn An Phát, tạo thành một hệ sinh thái doanh nghiệp khép kín, gia tăng giá trị kinh doanh của toàn tập đoàn. Ngoài cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn, ATZ cũng đã xây dựng được uy tín và cung cấp phương tiện và dịch vụ vận tải cho nhiều khách hàng ngoài Tập đoàn.

10.1.2 Chi phí sản xuất

Bảng 7. Chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ qua các năm

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng CP	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng CP
Giá vốn hàng bán	5.316.434	94,55%	3.967.632	92,21%
Chi phí tài chính	188.737	3,357%	153.453	3,57%
<i>Trong đó lãi vay</i>	<i>157.826</i>	<i>2,807%</i>	<i>132.516</i>	<i>3,08%</i>

Chi phí quản lý	297	0,005%	65.777	1,53%
Chi phí bán hàng	117.181	2,084%	112.060	2,60%
Chi phí khác	235	0,004%	3.827	0,09%
Tổng	5.622.884	100%	4.302.749	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng tự lập 2020

Bảng 8. Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm

Chỉ tiêu	2019		2020	
	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng CP	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng CP
Giá vốn hàng bán	8.215.934	92,84%	6.651.623	90,98%
Chi phí tài chính	267.715	3,03%	228.577	3,13%
Chi phí lãi vay	225.421	2,55%	201.246	2,75%
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(56)	-	16.904	0,23%
Chi phí bán hàng	149.021	1,68%	255.844	3,50%
Chi phí quản lý	214.621	2,43%	166.966	2,28%
Chi phí khác	2.246	0,03%	7.899	0,11%
Tổng	8.849.537	100%	7.310.909	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng tự lập 2020

Với đặc thù ngành sản xuất nhựa nói chung và sản xuất bao bì nhựa nói riêng, chỉ tiêu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của trên Báo cáo của Công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất với tỷ lệ trên 90% tổng chi phí qua các năm.

Các chi phí tài chính, bán hàng và quản lý đều được Công ty chú trọng và quản lý chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra, giám sát, điều chỉnh kịp thời nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

10.2. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 9. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Công ty mẹ			
Tài sản cố định hữu hình	2.428.696	1.391.899	57,31%
Tài sản cố định vô hình	78.688	66.032	83,92%
Tổng cộng	2.507.384	1.457.931	58,15%
Hợp nhất			
Tài sản cố định hữu hình	3.478.173	2.245.285	64,55%
Nhà cửa, vật kiến trúc	973.819	798.570	82,00%
Máy móc và thiết bị	2.134.681	1.247.898	58,46%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	304.736	163.899	53,78%
Thiết bị văn phòng	16.142	9.156	56,72%
Cây lâu năm	15.517	7.703	49,64%
TSCĐ hữu hình khác	33.278	18.059	54,27%
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	95.689	79.742	83,33%
Quyền sử dụng đất	94.014	78.655	83,36%
Phần mềm máy tính	1.675	1.087	64,9%
Tổng cộng	3.573.862	2.325.027	65,06%

Nguồn: BCTC tự lập năm 2020

Bảng 10. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2020

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Thửa đất số L8, KCN Nam Sách, TP Hải Dương, Hải Dương	9.744,2	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 1

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
2	Thửa đất số 129, Lô CN 3, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	19.967	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 2
3	Thửa đất số 1082, Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	20.064	Giao	25 năm	Xây dựng nhà máy 3
4	Thửa đất số 1, Lô L7, KCN Nam Sách, TP. Hải Dương, Hải Dương	16.802,4	Giao	49 năm	Xây dựng nhà máy 5
5	Khu đất 92.212 m2, Cụm Công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương	92.212	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 6
6	Khu đất 15.000 m2, Cụm Công Nghiệp An Đồng, Nam Sách,, Hải Dương	15.000	Giao	50 năm	Xây dựng Nhà máy 7
7	Lô CN11 – CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, huyện Nam Sách, Hải Dương	98.088	Giao	50 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy 8 (Nhà máy sản xuất nguyên liệu, sản phẩm vi sinh phân hủy hoàn toàn)
8	Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	40.081	Giao	49 năm	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá CaCo ₃ và Nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCo ₃
9	Khu Công Nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	464.000	Thuê trả tiền 1 lần	37 năm	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đầu tư xây dựng nhà xưởng để kinh doanh

Nguồn: AAA

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng 11 : Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu	Giá trị (tỷ đồng)	% Doanh thu
Trong nước	1.789	31%	1.108	25%
Nước ngoài	4.043,6	69%	3.312	75%

Nguồn: AAA

Bảng 12 : Cơ cấu lợi nhuận Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (tỷ đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	38,4	8%	24,8	5%
Nước ngoài	468,4	92%	427,9	95%

Nguồn: AAA

10.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 13. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VND)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với NNB&CĐL
1	Canberg Trade LP	PLL201 9.016	Bao bì màng mỏng	12	27/12/2019	2020	Không
2	Kompol sp. Z o.o.	02-APKO M-2020	Bao bì màng mỏng	9	20/01/2020	2020	Không
3	Platec Co., Ltd	02-AP PLATE C-2020	Bao bì màng mỏng	4	06/02/2020	2020	Không
4	Estreitoriental-Unipessoal,lda	REI202 0.002	Bao bì màng mỏng	3	17/01/2020	2020	Không

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (tỷ VND)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với NNB&CDL
5	Japack's Inc	40J-JAPAC KAP-2019	Bao bì màng mỏng	5	18/01/2020	2020	Không
6	Geordian	03-APGEO-2020	Bao bì màng mỏng	7	05/02/2020	2020	Không
7	LIDL HONG KONG LIMITED	LID202 0.001	Bao bì màng mỏng	35	27/07/2020	2020, 2021	Không
8	Platec Co., Ltd	PLT202 0.017	Bao bì màng mỏng	15	22/10/2020	2021	Không
9	KOMPOL SP. Z O.O.	KOM20 20.034	Bao bì màng mỏng	13	25/12/2020	2021	Không
10	KOMPOL SP. Z O.O.	KOM20 21.001	Bao bì màng mỏng	13	21/01/2021	2021	Không
11	JAPACK'S INC	JAP202 0.044	Bao bì màng mỏng	12	12/12/2020	2021	Không
12	MOROFUJI INC	MOF20 20.014	Bao bì màng mỏng	11	13/11/2020	2021	Không

Nguồn: AAA

10.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 14: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với NNB&CDL
I	Khách hàng				
1	COMCO PLAST	Bao bì màng mỏng	216	2020	Không
2	KOMPOL SP. Z O.O	Bao bì màng mỏng	172	2020	Không
3	ARDALE INTERNATIONAL LTD	Bao bì màng mỏng	154	2020	Không
4	JAPACK'S INC	Bao bì màng mỏng	146	2020	Không
5	PLATEC CO.,LTD	Bao bì màng mỏng	130	2020	Không
6	CAINZ CORPORATION	Bao bì màng mỏng	115	2020	Không
II	Nhà cung cấp				
1	Gulf Polymers Distribution company FZCO	Hạt nhựa	356	2020	Không
2	Sasol Chemicals Pacific Ltd	Hạt nhựa	238	2020	Không
3	CHEVRON PHILLIPS CHEMICALS ASIA PTE LTD	Hạt nhựa	217	2020	Không
4	SABIC Asia Pacific Pte Ltd	Hạt nhựa	200	2020	Không
5	MUNTAJAT (QATAR CHEMICAL	Hạt nhựa	164	2020	Không

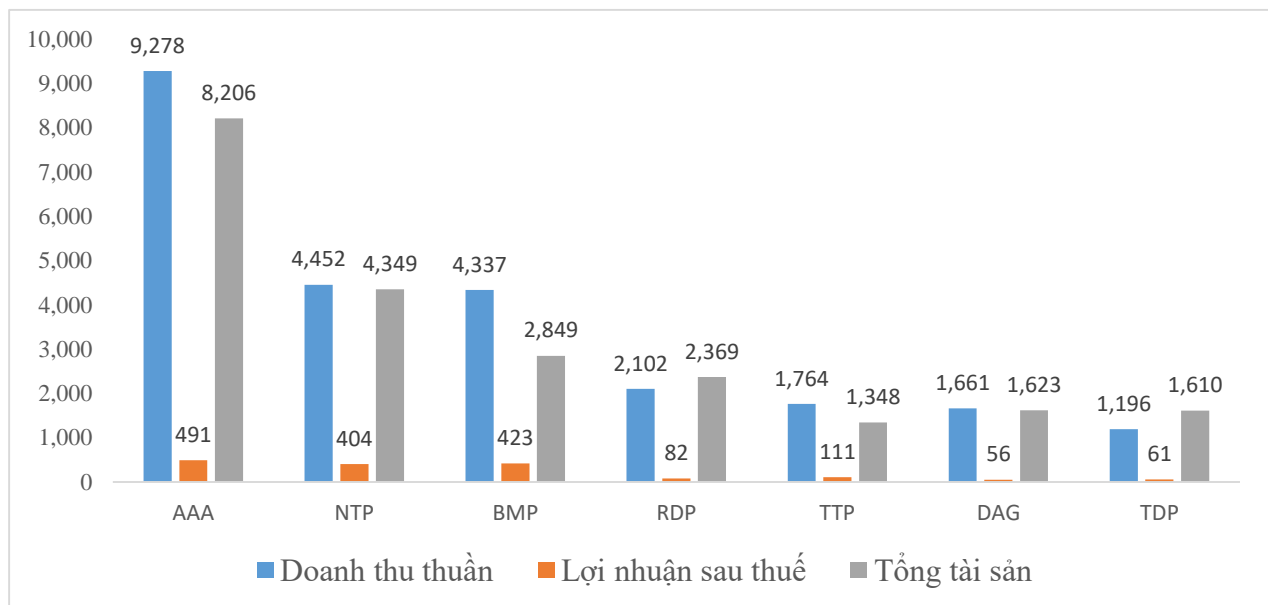
Nguồn: AAA

10.6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.6.1 Vị thế của Công ty trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa

Hình 4. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp sản xuất nhựa năm 2019

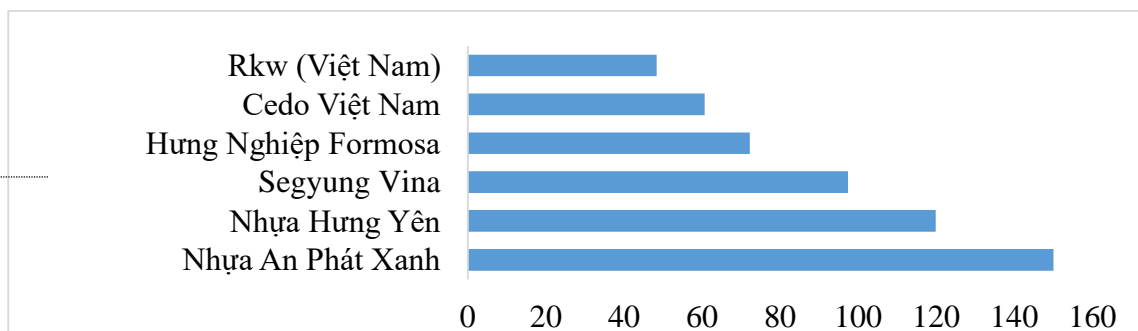


Nguồn: Tổng hợp

Trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa tại Việt Nam, Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất. Sơ đồ tại hình 10 so sánh doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản của AAA vào năm 2019 với các doanh nghiệp tiêu biểu cùng ngành như: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (NTP), Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP), Công ty Cổ phần Rạng Đông Holdings (RDP), Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (TTP), Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (DAG) và Công ty Cổ phần Thuận Đức (TDP). Theo như sơ đồ cho thấy, AAA dẫn đầu trong ngành về cả quy mô, doanh thu và lợi nhuận. Trong đó, tổng tài sản của AAA vào năm 2019 đạt 8.260 tỷ VNĐ, gấp 1,9 lần so với doanh nghiệp quy mô lớn thứ hai là NTP. Doanh thu thuần của AAA vào năm 2019 cũng đạt 9.278 tỷ, lợi nhuận sau thuế là 491 tỷ, vượt xa so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa, bao bì, túi nilong

Hình 5. Top doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2019



Nguồn: Tổng hợp

Trong số các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm túi nilon trong cả nước vừa phục vụ xuất khẩu vừa phục vụ thị trường nội địa, Công ty là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với sản lượng sản xuất hơn 8.000 tấn/tháng so với các doanh nghiệp cùng ngành trong nước khác như Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên (công suất khoảng 1.000 tấn/tháng), Công ty Cổ phần Nhựa Tú Phương (công suất khoảng 800 tấn/tháng) và một số doanh nghiệp liên doanh khác ở Phía Nam (công suất dao động từ 500 – 700 tấn/tháng).

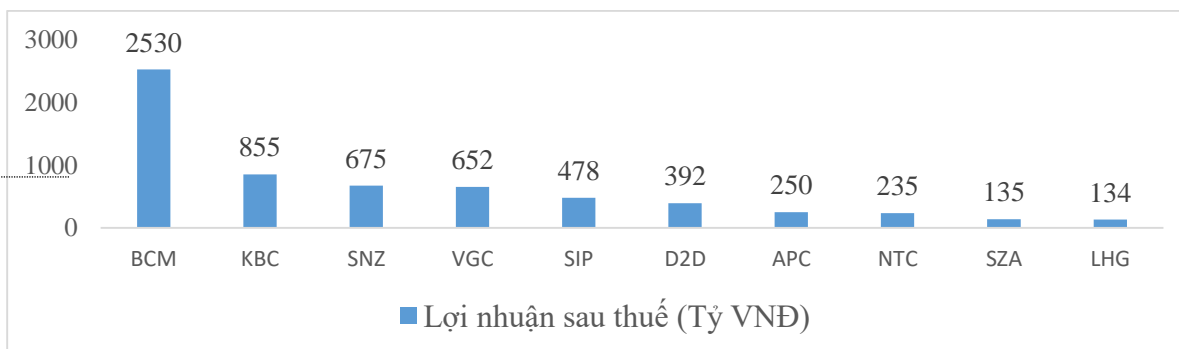
Bên cạnh đó, Công ty còn là doanh nghiệp có thâm niên 18 năm hoạt động trong ngành này. Vì vậy, Công ty có rất nhiều khách hàng truyền thống, có mối quan hệ trong hoạt động kinh doanh lâu năm. Thị phần hiện nay Công ty đang phát triển là xuất khẩu sản phẩm cho các nhà cung cấp lớn trên thế giới Publi Embal, Compoplast... để từ đó các sản phẩm được phân phối đến khắp các siêu thị lớn ở Châu Âu như Kaufland, ICA, Lidl... Công ty chưa đưa ra thị trường bên ngoài để kinh doanh bán sản phẩm đại trà, nơi rất nhiều sản phẩm với nhiều thương hiệu khác nhau đang được tiêu thụ.

Thế mạnh của Công ty đã được khẳng định trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ hay Châu Âu, sức cạnh tranh của An Phát được đánh giá cao và uy tín ngày càng được khẳng định thông qua chất lượng của các sản phẩm và sự tin tưởng của khách hàng truyền thống của Công ty.

b. Vị thế của Công ty trong kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Doanh thu của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp đến từ doanh thu của Công ty con TNHH Khu Công Nghiệp Kỹ Thuật Cao An Phát (APC), hoạt động chính là phát triển Khu Công nghiệp Kỹ Thuật Cao An Phát Complex. Dù mới hoạt động từ cuối năm 2017, đến nay, APC đã đạt được những tăng trưởng vượt bậc trong doanh thu và lợi nhuận. Năm 2019, lợi nhuận của Công ty đạt 250 tỷ, tăng trưởng gấp 125 lần so với năm 2018. Mức lợi nhuận này cũng thuộc top đầu những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phát triển khu công nghiệp trong nước.

Hình 6. Lợi nhuận sau thuế các doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp năm 2019



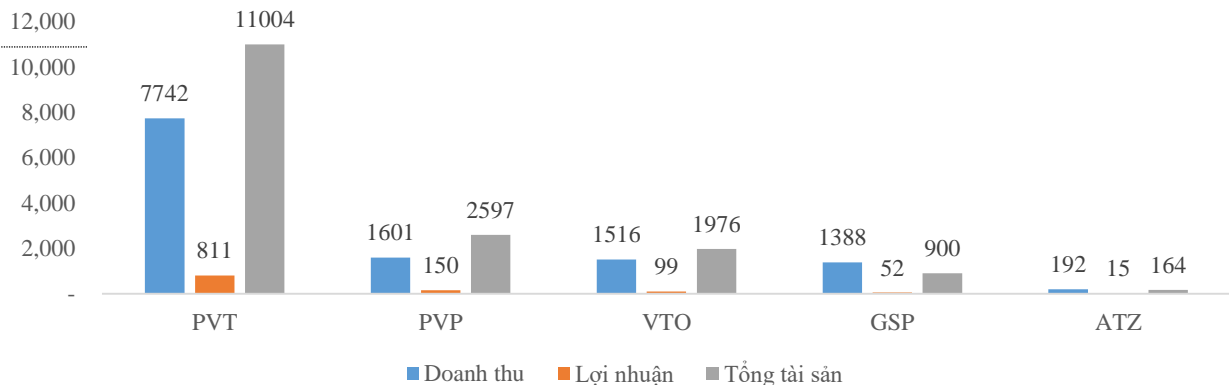
Hình 11 thể hiện lợi nhuận sau thuế của 10 doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp Việt Nam, gồm Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (Becamex IDC – BCM), Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP (KBC), Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu Công nghiệp Sonadezi (SNZ), Tổng Công ty Viglacera (VGC), Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG (SIP), Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (D2D), Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (APC), Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC), Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình (SZA), Công ty Cổ phần Long Hậu (LHG). Có thể thấy, mức lợi nhuận 250 tỷ của APC đạt được chỉ sau hơn 1 năm hoạt động còn vượt qua nhiều Công ty hoạt động lâu năm trong ngành phát triển khu công nghiệp như NTC (lợi nhuận 2019 đạt 235 tỷ đồng), LHG (lợi nhuận 2019 đạt 133 tỷ đồng). Với mục tiêu lấp đầy khu công nghiệp An Phát Complex trong năm 2020, cùng với dự án KCN Quốc Tuấn – An Bình diện tích 180 ha mới được giao từ tỉnh Hải Dương, dự kiến Công ty sẽ tạo được vị thế vững chắc, nằm trong nhóm những doanh nghiệp đi đầu và phát triển bền vững trong lĩnh vực doanh nghiệp bất động sản khu công nghiệp.

c. Vị thế của công ty trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải

Doanh thu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải của AAA đến chủ yếu từ Công ty con – Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín (ATZ). Vì tiền thân của ATZ là một công ty nhỏ chuyên phụ trách vận chuyển hàng hóa, nên so sánh với các nhóm các doanh nghiệp đầu ngành vận tải, quy mô của Công ty vẫn còn là khá khiêm tốn. Hình 12 thể hiện doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản của một số doanh nghiệp vận tải năm 2019, bao gồm: Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT), Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVP), Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (VTO), Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế (GSP). Có thể thấy, xét về doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và tổng tài sản, ATZ vẫn còn là một doanh nghiệp nhỏ trong ngành nhưng. Điều này cũng là dễ hiểu vì vận tải không phải là ngành nghề chính mà tập đoàn An Phát tập trung vào. Tuy nhiên, ATZ mới được thành lập vào năm 2016 và đã là mắt xích vô cùng quan trọng trong hệ sinh thái khép kín của An Phát, giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng của An Phát. Ngoài ra, với những dịch vụ chất lượng cao, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, và tinh thần không ngừng phát triển, ATZ hứa hẹn sẽ trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu đối với khách

hàng cũng như chủ đầu tư trong lĩnh vực vận tải.

Hình 7. Hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp vận tải năm 2019



10.6.2 Triển vọng phát triển của ngành

a. Triển vọng ngành nhựa

• Triển vọng phát triển của ngành nhựa nói chung

Với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng thuộc dạng tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Ngành nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp v.v. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tương chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat v.v. Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như sản xuất của các quốc gia.

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng

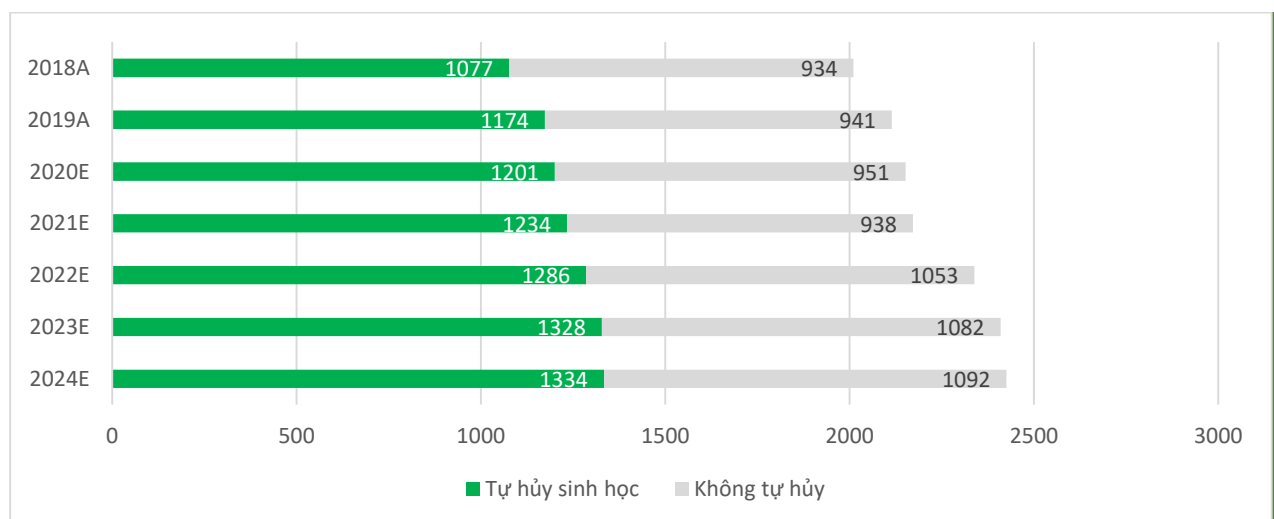
trường cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa đến từ các nước khác trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15-20%/năm, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do có tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng đến năm 2020 nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

- **Triển vọng ngành nhựa tự hủy sinh học**

Nhựa sinh học chiếm khoảng 1% trong số hơn 359 triệu tấn nhựa được sản xuất hàng năm. Nhưng cùng với nhu cầu đang gia tăng và sự xuất hiện của các ứng dụng/sản phẩm sinh học mới, thị trường nhựa sinh học đang không ngừng phát triển và đa dạng hóa. Năng lực sản xuất nhựa sinh học toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ khoảng 2,11 triệu tấn vào năm 2019 lên khoảng 2,43 triệu tấn vào năm 2024.

Hình 8. Sản lượng nhựa sinh học toàn cầu giai đoạn 2018-2024



Nguồn: European Bioplastics

Nhận thức được việc không kiểm soát rác thải nhựa truyền thống sẽ gây hại nghiêm trọng tới môi trường tự nhiên và sức khỏe của con người, từ những năm đầu thế kỷ 20 tới nay, đã có 112 quốc gia trên thế giới quy định cấm sử dụng các loại sản phẩm nhựa không phân hủy sinh học.

Một nghiên cứu tại thị trường Châu Mỹ cho biết: Các nước Châu Mỹ hầu hết đã cấm/đánh thuế cao đối với túi dùng một lần, trong đó những thị trường tiềm năng cho sản phẩm nhựa tự hủy là thị trường Mỹ, Canada, Brazil, Mexico và Argentina. Bên cạnh đó, các chuỗi dịch vụ ăn uống lớn đang có kế hoạch dừng sử dụng hoặc chỉ cung cấp ống hút/cốc dùng một lần cho khách hàng nào yêu cầu. Một số thương hiệu lớn tại Châu Mỹ như Starbucks, McDonald, Brazilian fast food chain Bob's, Mexico-base restaurant TOKS, Outback, Abbraccio đã áp dụng những chính sách này.

Ở Việt Nam, Chính phủ đã cam kết cao trong việc loại bỏ các rác thải nhựa. Phát biểu tại phiên họp về khí hậu môi trường tại Hội nghị thượng đỉnh G20 ngày 29/6/2019 ở Nhật Bản, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cam kết đồng hành cùng các quốc gia giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Thủ tướng kêu gọi các cấp các ngành, đoàn thể và toàn xã hội thực hiện phương châm: “nhà nhà hạn chế rác thải nhựa, người người phòng chống ô nhiễm rác thải nhựa, xã hội tiến đến nói không với rác thải nhựa; phấn đấu đến năm 2021 các cửa hàng, các chợ, các siêu thị ở đô thị không sử dụng đồ nhựa dùng một lần; đến năm 2015 cả nước không sử dụng đồ nhựa dùng một lần”. Trước đó, Việt Nam đã tham gia Tuyên bố Bangkok về chống lại rác thải nhựa đại dương được đưa ra trong Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 34.

Với sự phát triển của khoa học công nghệ, ngày nay, con người đã có thể tổng hợp các chất hóa học từ các chế phẩm gốc thực vật có cơ lý tính tương tự và thay thế cho các PE, PP gốc hóa dầu. Các sản phẩm sản xuất từ các vật liệu sinh học này được gọi là sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, có khả năng phân hủy 100% trong khoảng thời gian từ 6 đến 12 tháng trong điều kiện tiêu chuẩn. Như vậy, với khả năng công nghệ cùng chính sách cấm sử dụng đồ nhựa dùng 1 lần, xu hướng chuyển dịch từ nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rõ ràng và không thể đảo ngược, cả ở Việt Nam và toàn thế giới.

b. Triển vọng phát triển của ngành kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp

Với sự phát triển của nền công nghiệp Việt Nam và nền công nghiệp phụ trợ ở 4 lĩnh vực gồm cơ khí, điện và điện tử, nhựa và cao su, vật liệu, nhiều cụm công nghiệp lớn đã được thành lập trên toàn quốc. Sự phát triển của các cụm công nghiệp đã thúc đẩy nhu cầu về nhà xưởng xây sẵn và nhà kho do: Quỹ đất KCN dần khan hiếm; mang lại hiệu quả về thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư; tối đa hóa việc sử dụng tài nguyên phát triển; sự bền vững trong phát triển cơ sở hạ tầng.

Nhà xưởng xây sẵn và nhà kho ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao về diện tích nguồn cung trong giai đoạn 2017 – 2019, với mức tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 16,9% ở khu vực phía Bắc và

13,3% ở khu vực phía Nam. Tổng diện tích nguồn cung nhà xưởng xây sẵn và nhà kho trong năm 2019 đạt gần 3,7 triệu m², tăng tới 25,2% ở khu vực phía Bắc và 18,9% ở khu vực phía Nam. Năm 2020, bất động sản khu công nghiệp và cho thuê được đánh giá sẽ tăng trưởng mạnh mẽ.

c. Triển vọng phát triển của ngành vận tải

Khi nguồn vốn FDI đăng ký cho tăng trưởng năm 2019 là 6,7% YoY trong năm 2019 và 9,1% trong năm 2018, tăng trưởng FDI năm 2020 cũng được kỳ vọng hỗ trợ sản lượng tăng trưởng ở mức tương đương. Trong năm 2020, tổng sản lượng container quốc tế tại cảng biển được dự báo ước tính tiếp tục tăng trưởng 6-7% YoY trong năm 2020, với con đường tăng trưởng mở đầu bằng các công ty có nguồn vốn FDI.

Ước tính doanh thu cảng biển tăng trưởng chỉ ở mức 3-5% YoY, và tăng trưởng lợi nhuận không thay đổi trong năm 2020, vì cạnh tranh trong ngành vẫn còn mạnh.

Với sự bùng nổ của thương mại điện tử Việt Nam, sự gia tăng lưu lượng hàng hóa giao dịch qua các kênh trực tuyến khiến nhu cầu vận tải và logistic, đặc biệt là dịch vụ giao hàng tăng cao. Theo thống kê, số lượng đơn hàng qua công ty giao hàng tăng trưởng trung bình 24% giai đoạn 2014 – 2020, có thể đạt 530 triệu đơn hàng vào năm 2020. Ước tính các công ty giao nhận ghi nhận tăng trưởng doanh thu ở mức 30-40% YoY từ mức tăng trưởng của quy mô thị trường là 20%.

10.6.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

a. Định hướng phát triển của Công ty

- Trở thành doanh nghiệp đại chúng tiên phong tạo lập chuỗi giá trị công nghiệp nhựa kỹ thuật cao và thân thiện môi trường, xây dựng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững, giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa bao bì và nhựa kỹ thuật tại Đông Nam Á

Tiên phong dẫn đầu ngành nhựa bao bì và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tự hủy sinh học

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để đưa vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa có hàm lượng công nghệ cao, gia tăng doanh thu cho công ty, gia tăng giá trị cho xã hội và các cổ đông.
- Kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.
- Mở rộng thị trường, đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới bằng việc nâng cao hình ảnh, uy tín đến từ chất lượng sản phẩm cung cấp cho các khách hàng hiện hữu. Tập đoàn sẽ chú trọng mở rộng thị trường tới Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ Latin, trong đó nâng cao doanh thu về dòng

sản phẩm cao cấp

- Đưa vào áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến hiện đại của thế giới đặc biệt là vấn đề về công nghệ sản xuất và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm làm tăng năng suất lao động, cảnh báo nhanh các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất...
- Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm tự hủy sinh học như túi,...từ nguyên liệu compound tự hủy, thân thiện với môi trường.

b. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng ngành và xu thế chung trên thế giới

- Xu hướng ngành nhựa bao bì: các thị trường tiêu thụ bao bì trên thế giới hiện đang ngày càng áp dụng các tiêu chuẩn khắt khe để lựa chọn đơn vị cung cấp. Lợi thế về quy mô, công nghệ và định hướng chú trọng nghiên cứu phát triển của Công ty chính là những điểm cộng, đem lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty tại thị trường quốc tế.
- Xu hướng sản phẩm nhựa tự hủy: Với việc cấm/áp thuế cao cho sản phẩm nhựa dùng 1 lần tại nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam, xu hướng chuyển dịch từ sản phẩm nhựa truyền thống sang nhựa tự hủy sinh học là rất rõ ràng và không thể đảo ngược. Với chiến lược hoàn thiện chuỗi giá trị tự hủy sinh học, Công ty đã trở thành đơn vị tiên phong tại Việt Nam đi trước đón đầu xu thế, không những đem lại lợi ích cho doanh nghiệp, mà còn góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới, với các chính sách của Chính phủ. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

10.7. Hoạt động Marketing

Chính sách bán hàng:

Thông thường các doanh nghiệp trong ngành thường chọn các hình thức quảng cáo giới thiệu sản phẩm của mình thông qua các phương tiện truyền thống như làm triển lãm, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đối với An Phát, do đặc điểm khách hàng phần lớn là các nhà phân phối nước ngoài, Công ty thường tham gia các hội chợ bán hàng quốc tế như: Hội chợ Interpack tại Đức, Hội chợ bao bì ngành nhựa tại Thái Lan, Hội chợ tại Úc, Nam Phi, Mỹ... và nhiều hội chợ khác tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội. Bên cạnh đó, Công ty cũng tìm kiếm các khách hàng qua các trang thương mại điện tử bên cạnh việc quảng bá tích cực tại website: <https://anphatbioplastics.com/>

Đặc biệt, An Phát rất chú trọng đến việc phát triển hình ảnh “**Môi trường xanh**” của mình. Công ty thường tổ chức các cuộc đón tiếp các cháu thiếu nhi từ các trường quốc tế tại Hà Nội đến thăm quan, mời các tổ chức phi Chính phủ đến tìm hiểu về quy trình sản xuất cũng như môi trường làm việc của Công ty.

Ngoài ra, Công ty tập trung vào các sản phẩm cho ngành công nghiệp hỗ trợ nên hoạt động Marketing để quảng bá giới thiệu về Công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến Thương mại – Bộ công thương, Tổ chức Jestro... Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

Chính sách chăm sóc khách hàng

Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có ít nhất 3 nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến An Phát, đến các sản phẩm của An Phát hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên mời các đối tác tới thăm quan nhà máy, môi trường làm việc của Công ty. Đối với các khách hàng trong nước, với tâm niệm quyền lợi của khách hàng, người tiêu dùng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp, Công ty tổ chức các Hội nghị khách hàng nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của các khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.



Học sinh trường UNIS tham quan nhà máy

Công ty tặng quà khu cách ly dịch Covid 19

10.8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang chờ cấp phép.



Năm 2019, Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Nhựa An Phát Xanh, khẳng định quyết tâm trở thành doanh nghiệp xanh với tầm nhìn trở thành nhà sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á. Logo được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0.

Trong logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực của An Phát. Đặc biệt, logo có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

Nhãn hiệu aneco compostable:



Nhãn hiệu aneco compostable được cấp văn bằng bảo hộ bởi Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

Nhãn hiệu gồm hai phần: phần hình và phần chữ. Hình chiếc lá biểu tượng cho tầm nhìn của công ty luôn hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Phần chữ a lấy từ gốc của chữ An của tập đoàn An Phát, đồng thời là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái, mang ý nghĩa hàng đầu, chất lượng. Chữ , chữ Compostable có nghĩa là phân hủy được. Nhãn hiệu biểu trưng cho sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn dùng phục vụ sinh hoạt như dao, thìa, đĩa, túi ni lông,...

Nhãn hiệu a.net compostable:



Nhãn hiệu a.net compostable được chấp thuận đăng ký nhãn hiệu bởi Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 26 tháng 07 năm 2019.

Nhãn hiệu gồm hai phần: phần hình và phần chữ. Hình chiếc lá biểu tượng cho tầm nhìn của công ty luôn hướng tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Phần chữ a lấy từ gốc

của chữ An của tập đoàn An Phát, đồng thời là chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái, mang ý nghĩa hàng đầu, chất lượng. Chữ “net” trong tiếng Anh có nghĩa là lưới, chữ Compostable có nghĩa là phân hủy được. Nhãn hiệu biểu trưng cho sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn dùng để đánh bắt các loại thủy hải sản.

10.9. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, AAA luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Để đáp ứng các tiêu chuẩn về xuất khẩu tại các thị trường phát triển, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường quốc tế như ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 22000:2015.

Công ty ưu tiên đầu tư vào R&D ứng dụng, phát triển sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường tự động hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu hàng hóa ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt với ưu tiên phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, Trung tâm R&D đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng hoá danh mục sản phẩm các sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn, phục vụ thị trường xuất khẩu và trong nước.

Với những nỗ lực của trung tâm Nghiên cứu Phát triển, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao với chất lượng sản phẩm được cải thiện, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng trên sản phẩm, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu. Công ty cũng mở rộng được các sản phẩm cung cấp ra thị trường, đặc biệt là các sản phẩm sinh học tự hủy.

10.10. Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty

Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trong định hướng chiến lược phát triển 3-5 năm tới, AAA sẽ trở thành doanh nghiệp tiên phong trong sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á. Công ty sẽ không chỉ giữ vững mà còn hướng đến mở rộng thị phần toàn cầu, củng cố vị trí nhà sản xuất bao bì nhựa màng mỏng lớn nhất khu vực và dẫn đầu trong ngành bao bì thân thiện với môi trường tại khu vực. Để thực hiện mục tiêu trên, AAA sẽ từng bước tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, hướng tới đến năm 2023 doanh thu từ bao bì sinh học tự hủy sẽ đóng góp 50% trong doanh thu từ bao bì. Định hướng này hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh xu hướng chuyển dịch thói quen tiêu dùng sang các sản phẩm thân thiện với môi trường đang diễn ra mạnh mẽ khi các mối lo ngại về môi trường càng trở nên bức thiết hơn trên

toàn cầu.

Với định hướng như vậy, Công ty sẽ ưu tiên đầu tư vào R&D ứng dụng, phát triển sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất, tiên phong về công nghệ, tăng cường tự động hóa dây chuyền sản xuất. AAA sẽ sẵn sàng liên doanh, liên kết, đồng hành với các đối tác chiến lược về công nghệ, kỹ thuật để tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Đồng thời, mô hình quản trị doanh nghiệp sẽ tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện, hướng đến tuân theo các chuẩn mực quốc tế tốt nhất, đảm bảo và củng cố tính minh bạch, hiệu quả, thận trọng về tài chính, hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Kế hoạch kinh doanh:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư nhà xưởng, dây chuyền sản xuất nhằm mang lại hiệu quả cao, mở rộng quy mô hoạt động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm. Giá thành giảm sẽ giúp đến được nhiều đối tượng khách hàng hơn và tăng doanh thu cho công ty.
- Nghiên cứu những dòng sản phẩm mới, mang lại sự phong phú đa dạng của sản phẩm.
- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá cho sản phẩm và thương hiệu.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

11. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

11.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến ngày 31/12/2020 số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 1.950 người.

Bảng 15. Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	31/12/2020
Số lượng nhân viên	1.950
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trình độ trên đại học	3
2. Trình độ đại học	168
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	207
4. Sơ cấp, trung cấp	6
5. Khác	1.566
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	103
2. Hợp đồng dài hạn	1.847
3. Hợp đồng ngắn hạn	-

Nguồn: AAA

11.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Người lao động làm việc tại Công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại Công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề...
- Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ

- Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.
- Hỗ trợ ăn ca:
 - + Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ.
 - + Suất ăn bữa chính là 20.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 9.000 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho nhân viên vào ngày thứ bảy hàng tuần.
 - + Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc.
 - + Nhân viên Công ty cũng được phục vụ bữa ăn trưa.
 - + Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài giờ làm việc, tổ chức du lịch, nghỉ mát vào dịp hè, dịp lễ tết cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài cả ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng

hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2019 là 9.000.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2020 là 10.000.000 đồng/người/tháng.

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ trong đó 10% chia cổ tức bằng tiền mặt và 5% chia cổ tức bằng cổ phiếu.

13. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng với mục đích huy động vốn trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:

Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh đã có công văn số 050204/2021/CV –AAA gửi UBCKNN cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 16. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	7.987.454	8.569.614	7,3%
Vốn chủ sở hữu	3.255.238	4.024.162	23,6%
Doanh thu thuần	9.258.073	7.428.557	-19,8%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	590.401	311.123	-47,3%
Lợi nhuận khác	6.991	7.825	11,9%
Lợi nhuận trước thuế	597.393	318.948	-46,6%

Lợi nhuận sau thuế	491.028	283.372	-27,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2019, BCTC hợp nhất tự lập 2020

Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế trong năm 2020 của Công ty giảm 19,8% và 27,8% tương ứng vì kết quả hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại An Phát Complex bị giảm mạnh (~90%) so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh. Hoạt động sản xuất bao bì nhựa chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu khiến cho tỷ lệ % doanh thu giảm ít hơn tỷ lệ giảm của lợi nhuận.

Bảng 17. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty Mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	5.967.450	6.281.462	5,3%
Vốn chủ sở hữu	2.686.719	3.296.669	22,7%
Doanh thu thuần	5.823.357	4.420.544	-24,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	268.542	213.571	-20,5%
Lợi nhuận khác	3.270	(407)	-112,5%
Lợi nhuận trước thuế	271.813	213.164	-21,6%
Lợi nhuận sau thuế	232.638	188.157	-19,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2019, BCTC tự lập 2020

Năm 2020, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt hơn 6.281 tỷ đồng, tăng 5,3% so với năm 2019. Vốn chủ sở hữu tăng 22,7% đạt 3.296 tỷ đồng do Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và phát hành cổ phiếu thực hiện chứng quyền. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng 24,1% và 19,1% so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh và chính sách giãn cách xã hội khiến cho hoạt động sản xuất gặp nhiều khó khăn mặc dù Công ty đã duy trì tốt hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì, mở rộng thị phần và ký được các đơn hàng mới.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2020

Thuận lợi:

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội

Theo các chuyên gia và doanh nghiệp nhựa, việc Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ nhựa. Các đối tác đang chuyển dần đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường các nước châu Âu (EU), Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.

Đáng chú ý, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến cho nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Trung Quốc ngày càng tìm đến các nước trong khu vực Đông Nam Á để đầu tư nhằm tránh Mỹ đánh thuế cao nhóm mặt hàng này nhập từ Trung Quốc, trong đó Việt Nam được xem là một trong những điểm đến được chú ý.

Giới kinh doanh dự báo khả năng sẽ có nhiều đơn hàng sản xuất mặt hàng này ở Trung Quốc chuyển sang Việt Nam thực hiện, đòi hỏi doanh nghiệp trong nước phải chuẩn bị để nắm bắt cơ hội.

Đáng chú ý, nhiều công ty đa quốc gia sẽ phải đi gia công các sản phẩm để cung cấp cho các hệ thống bán lẻ của họ. Trước đây các tập đoàn này vốn đặt hàng gia công ở Trung Quốc, nhưng trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung sẽ dẫn đến sự chuyển dịch sang các nước khác, trong đó có Việt Nam. Điều này, đòi hỏi doanh nghiệp sản xuất ngành này phải mạnh dạn đầu tư, thay đổi công nghệ để đáp ứng tiêu chuẩn của nhà mua hàng.

Chính phủ đồng ý kiến nghị không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP

Giữa tháng 11/2019 vừa qua, VPA nhận được công văn của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Polypropylen (hạt nhựa PP thuộc nhóm HS 3902) từ 3% lên 5%.

Theo Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA), sau khi nhận được công văn kiến nghị của VPA, Bộ Tài chính đã có tờ trình Chính phủ đề xuất không tăng thuế nguyên liệu nhựa PP từ mức 3% lên 5% như cách đây vài tháng.

Đây là tin rất vui đối với cộng đồng doanh nghiệp ngành nhựa ngay đầu năm 2020.

Việc giữ nguyên mức thuế nguyên liệu nhựa PP sẽ được kéo dài đến năm 2022, khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu trong nước đảm bảo nguồn cung trên 50% sản lượng nội địa.

Chuyển dịch khách hàng từ thị trường Trung Quốc do tác động của dịch COVID 19

Công ty sản xuất chủ yếu các sản phẩm túi, bao bì nhựa thiết yếu, có tần suất sử dụng cao (dùng đựng thực phẩm, túi đựng rác,...) nên nhu cầu tiêu thụ không có biến động quá lớn dưới tác động của dịch bệnh, trong khi nguồn cung từ thị trường Trung Quốc giảm do các nhà máy đóng cửa trong thời gian dài khiến cho Công ty nhận được thêm các đơn hàng từ nhiều thị trường bạn, mở rộng thị phần và ký thêm nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ với các đối tác.

Khó khăn:

Hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng do COVID-19

Trong năm 2020, dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới do các chính sách hạn chế đi lại, giãn cách xã hội. Do phần lớn nguyên liệu hạt nhựa đầu vào của AAA được nhập khẩu nên sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty. Bên cạnh đó, khách hàng thuê bất động sản khu công nghiệp chủ yếu là các doanh nghiệp nước ngoài, do đó, hoạt động kinh doanh bất động sản khu công nghiệp trong năm bị ảnh hưởng nặng nề.

Chính sách bảo vệ môi trường

Những chính sách mới của thế giới và Việt Nam trong vấn đề hạn chế sử dụng túi nilon do lo ngại ảnh hưởng về môi trường từ những sản phẩm khó phân hủy. Theo nhận định của các nhà lập pháp và khoa học thì việc sử dụng quá nhiều túi nilon không phân hủy hiện nay làm gia tăng nghiêm trọng sự bào mòn nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng sâu sắc tới môi trường sống, do đó đã áp dụng các chính sách hạn chế sử dụng túi nilon thông thường. Vì vậy, việc tìm sản phẩm thay thế trong tương lai gần là không tránh khỏi. Năm bắt được xu thế này, Công ty đã nghiên cứu và sản xuất thành công dòng bao bì nhựa tự phân hủy - sản phẩm thân thiện với môi trường và đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe về môi trường của thế giới. Sản phẩm túi tự hủy của công ty được chứng nhận khả năng phân hủy theo tiêu chuẩn châu Âu với Seedling logo và chứng nhận OK HOME COMPOST. Do đó, chính sách hạn chế sử dụng túi nilon không phân hủy không làm ảnh hưởng nhiều tới Công ty.

b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm 31/12/2021.

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất bao bì nhựa, Công ty đã xây dựng được hệ thống quản trị và kiểm soát tốt, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và không phát sinh các biến động lớn từ nội tại doanh nghiệp để ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Tình hình dịch bệnh covid-19 tiếp tục diễn ra trong những tháng đầu năm 2021 là một biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty, đặc biệt khi hoạt động vận chuyển từ nhà máy đi các tỉnh để xuất khẩu gặp nhiều hạn chế và hoạt động kinh doanh bất động

sản khu công nghiệp vẫn chưa thể hồi phục được. Để hạn chế tác động của dịch bệnh, Công ty đã phối hợp với đơn vị y tế thực hiện xét nghiệm covid đối với công nhân và lái xe đảm bảo hoạt động lưu thông hàng hóa được ổn định.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 18. Tình hình vốn điều lệ năm 2019 -2020

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2019	31/12/2020
Vốn điều lệ	1.711.999	2.217.999

Nguồn: AAA

Bảng 19. Nguồn vốn kinh doanh 2019-2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
I	Nợ phải trả	3.280.730	2.984.792	4.732.216	4.545.452
1	Nợ ngắn hạn	2.423.530	2.689.123	3.236.646	3.772.835
2	Nợ dài hạn	857.200	295.669	1.495.570	772.617
II	Vốn chủ sở hữu	2.686.720	3.296.669	3.255.238	4.024.162
Tổng nguồn vốn		5.967.450	6.281.461	7.987.454	8.569.613

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất kiểm toán 2019, BCTC tự lập năm 2020

Bảng 20. Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2019-2020

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nguồn vốn	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
1	Vốn cổ phần đã phát hành	1.711.999	2.217.599	1.711.999	2.217.599
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	1.711.999	2.217.599	1.711.999	2.217.599

ST T	Nguồn vốn	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
	<i>quyết</i>				
	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	532.128	692.089	532.113	692.074
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	26.545
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(337)	(1.007)
5	Quỹ đầu tư phát triển	60.699	72.331	67.259	80.481
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.612	11.612	13.177	13.177
7	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	370.281	303.037	602.686	568.916
	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	137.642	114.880	142.219	312.718
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay	232.639	188.157	460.465	256.198
8	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	328.341	426.375
Tổng cộng vốn chủ sở hữu		2.686.719	3.296.668	3.255.238	4.024.161

Nguồn: BCTC kiểm toán 2019, BCTC tự lập năm 2020

b. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 21. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 12 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 -15 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 – 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 – 49 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019

c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 10.000.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt.

d. Tình hình công nợ hiện tại

Bảng 22. Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.138.540	1.328.600	2.079.279	1.669.170
Phải thu của khách hàng	707.526	483.117	726.709	593.031
Trả trước cho người bán	125.065	120.096	635.625	790.943
Phải thu về cho vay ngắn hạn	121.688	97.178	536.663	42.644
Phải thu ngắn hạn khác	184.261	628.209	180.282	254.298

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				(11.746)
Các khoản phải thu dài hạn	417.410	50.987	93.367	173.910
Phải thu dài hạn của khách hàng		35.000		42.725
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	75.500	114.055
Phải thu dài hạn khác	417.410	15.987	20.667	17.130
Tổng cộng	1.555.950	1.379.587	2.172.646	1.843.080

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC tự lập năm 2020

Bảng 23. Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
Nợ ngắn hạn	2.423.530	2.689.124	3.236.646	3.772.834
Phải trả người bán ngắn hạn	503.136	415.102	604.445	542.480
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	29.348	49.535	98.697	106.524
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15.622	13.813	26.948	20.412
Phải trả người lao động	16.301	17.594	22.622	30.484
Chi phí trả ngắn hạn	5.019	6.213	36.453	23.312
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	41.876	88.301

Phải trả ngắn hạn khác	4.335	5.065	4.735	17.095
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.849.196	2.181.799	2.400.087	2.943.359
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	573	3	783	867
Nợ dài hạn	857.200	295.669	1.495.570	772.617
Phải trả dài hạn người bán		37.686		25.254
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	77.441	101.908
Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-	24.232	6.112
Vay dài hạn	857.200	257.983	1.371.510	617.147
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	22.387	22.196
Tổng cộng	3.280.730	2.984.793	4.732.216	4.545.451

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC tự lập năm 2020

e. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2020, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

f. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 24. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.475	6.595	26.065	12.035

Thuế thu nhập cá nhân	37	62	354	547
Thuế giá trị gia tăng	-	5.277	419	5.817
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	
Thuế, phí khác	110	1.879	110	2.014
Tổng cộng	15.622	13.813	26.948	20.412

Nguồn: AAA

g. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2019 công ty trích quỹ là 34.182.417.057 VND. Trích quỹ trong năm bao gồm Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng, theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông

h. Tổng dư nợ vay

Bảng 25. Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
Vay ngắn hạn	1.849.196	2.181.799	2.400.087	2.943.359
Vay dài hạn	857.200	257.983	1.371.510	617.147
Tổng cộng	2.706.396	2.439.782	3.771.597	3.560.506

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC tự lập 2020

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

i. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty trong năm 2021 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Theo kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần vốn phát hành thêm được sử dụng để trả nợ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng trái phiếu,.. và bổ sung vốn lưu động, do đó, giúp Công ty giảm bớt áp lực sử dụng vốn vay, cải thiện các chỉ tiêu tài chính của Công ty.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26. Các chỉ tiêu tài chính năm 2019-2020

Các chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,01	1,54	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,85	1,16	0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,48	0,59	0,53
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,22	0,91	1,45	1,13
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,98	0,72	1,19	0,90
Vòng quay vốn lưu động	Vòng				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,07	7,89	8,88	6,85
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,99	4,26	5,30	3,81

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,84	6,29	15,75	7,79
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,91	3,07	6,33	3,42
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,61	4,83	6,38	4,19
Thu nhập trên cổ phần	VND/cổ phần	1.358	-	2.689	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, BCTC tự lập năm 2020

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Hệ số thanh toán ngắn hạn được của Công ty được duy trì ổn định và lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh Công ty có thể hoàn toàn bù đắp đủ các nghĩa vụ nợ phát sinh.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty mẹ và hợp nhất cũng có xu hướng giảm dần qua các năm, đạt tương ứng 0,48 và 0,53 năm 2020, ở mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ và Hợp nhất lần lượt là 0,91 và 1,13 là mức phù hợp trong điều kiện Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

c. Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đạt 6,85 vòng giảm nhẹ so với 8,88 vòng năm 2019. Vòng quay tổng tài sản bình quân năm 2020 đạt 0,9 vòng giảm nhẹ so với 1,19 vòng năm 2019. Một phần nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 khiến cho thời gian tồn kho của hàng hóa bị kéo dài, đồng thời thời gian vận chuyển bị chậm trễ và chưa đạt kỳ vọng.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời năm 2020 của Công ty giảm so với năm 2019 do tác động tiêu cực của dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh do công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Kiểm toán viên lưu ý cũng lưu ý vấn đề khác là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Nhóm Công ty chưa phân loại vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 141.379.173.207 VND từ khoản mục vay và nợ dài hạn sang khoản mục vay và nợ ngắn hạn.

Kiểm toán viên lưu ý cũng lưu ý vấn đề khác là báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Nhóm Công ty chưa phân loại vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 200.248.924.443 VND từ khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 27. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (triệu đồng)	Năm 2021	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ	2.217.599	3.267.599	47,35%
Doanh thu thuần	7.428.557	9.000.000	21,15%
Lợi nhuận sau thuế	283.372	550.000	94,09%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,81%	6,11%	60,37%

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12,7%	16,83%	32,52%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	-	15%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

4.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

a. Căn cứ vào năng lực sản xuất của các nhà máy

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh hiện tại đang có 8 nhà máy đã đi vào hoạt động và 01 nhà máy đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Các nhà máy sản xuất của Công ty được đánh giá là hiện đại nhất Việt Nam, tổng sản lượng hàng tháng khoảng 10.000 tấn ở thời điểm hiện tại.

b. Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

- Đối với sản phẩm nhựa, bao bì nilon: Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, hiện chi phí sản xuất tại Trung Quốc tăng vọt khiến giá thành sản phẩm của Trung Quốc không còn rẻ như trước nữa mà ngang bằng với Việt Nam. Thêm vào đó là các chính sách khắt khe của Trung Quốc đã đẩy các nhà nhập khẩu khỏi thị trường này. Đây là một trong những thuận lợi mà thị trường thế giới đã tạo ra cho các doanh nghiệp nhựa nói chung và An Phát nói riêng.
- Đối với bất động sản khu công nghiệp: Theo Savills Việt Nam, trong điều kiện bất động sản khu công nghiệp miền Bắc phát triển mạnh mẽ, tỷ lệ lấp đầy cao tại Hà Nội (90%) và giá thuê đất đỏ, khiến các doanh nghiệp có xu hướng chọn điểm đến là các tỉnh vùng ven có cơ sở hạ tầng, giao thông phù hợp như Bắc Ninh, Hải Dương, Vĩnh Phúc, ... Dự kiến, làn sóng di dời nhà máy khỏi Trung Quốc vào năm 2021 sẽ đòi hỏi nhiều nguồn cung hơn. An Phát Complex sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu sẵn sàng đón nhu cầu chuyển dịch đầu tư và mở rộng sản xuất của các nhà đầu tư.
- Đối với sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn (dao, thìa, đĩa,...): Dung lượng thị trường dao, thìa, đĩa nhựa tại Mỹ khá lớn, năm 2018 dung lượng thị trường đạt xấp xỉ 30 tỷ đơn vị sản phẩm (chiếm 17,5% tổng sản lượng toàn thế giới) với giá trị đạt 641 triệu USD. Chính phủ Mỹ cũng đã ban hành các chính sách trong việc cấm nhựa dùng một lần ở các bang lớn như California, Texas, New York,... Vì vậy, tỷ lệ chuyển đổi sử dụng nhựa thường sang nhựa tự hủy cao, dự báo trong 6 năm tới tỷ lệ chuyển đổi sản phẩm dao, thìa, đĩa từ nhựa thường sang nhựa tự hủy tại thị trường này sẽ đạt gần 50%, cao thứ 2 thế giới chỉ sau thị trường Châu Âu. Đây là cơ hội tốt giúp Công ty mở rộng thị trường, gia tăng thị phần, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty trong các năm tiếp theo.

4.3 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là đơn vị tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã thu thập các thông

tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Về lĩnh vực sản xuất nhựa, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và Công ty con - Công ty Cổ phần An Tiên Industries đều đã có vị thế vững chắc trong ngành. Về sản xuất bao bì nhựa, AAA là công ty Việt Nam có quy mô sản xuất lớn nhất. Về phụ gia nhựa, HII là công ty có lợi thế từ nguồn đá vôi chất lượng và dây chuyền sản xuất hiện đại.

Về chiến lược kinh doanh, công ty bắt kịp xu thế và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người tiêu dùng về các sản phẩm tự hủy. Công ty cũng nhận thấy nhu cầu về nguyên vật liệu nhựa phân hủy sinh học rất cấp thiết và đã lên kế hoạch đầu tư xây dựng nhà máy nguyên vật liệu nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn công nghệ cao. Chúng tôi đánh giá chiến lược kinh doanh này là phù hợp với xu thế thị trường.

Với mức tăng trưởng doanh thu 21,15% năm 2021 đặt ra thể hiện kỳ vọng của Ban lãnh đạo về năng lực sản xuất và kế hoạch mở rộng thị trường hoạt động. Trong điều kiện, dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát tốt và những biến động bất thường không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đặt ra trong năm tài chính 2021 là khả thi. Công ty cần phải có những biện pháp quản lý sát sao về mọi mặt để đảm bảo việc đạt được kế hoạch kinh doanh đã hoạch định.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 09/03/2007 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 09/03/2007 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 09/03/2010.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
Năm thành lập	: 2017
Địa chỉ	: Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Vốn điều lệ	: 1.466.773.390.000 đồng
Giấy CN ĐKDN	: số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/07/2020
HĐKD chính	: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Đinh Xuân Cường
Chức vụ	: Tổng giám đốc
Người đại diện tại AAA	: Ông Phạm Ánh Dương
Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT

Bảng 28. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		tại ngày trở thành cổ đông lớn 29/05/2017			tại ngày 11/01/2021			dự kiến sau phát hành		
1.	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	6.785.950	6.785.950	11,91%	117.920.910	117.920.910	53,18%	157.738.755	157.738.755	53,15%
	Chủ tịch HĐQT									
1.1	Phạm Ánh Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phó Chủ tịch HĐQT									
1.2	Nguyễn Lê Trung	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phó Chủ tịch HĐQT									
1.3	Phạm Hoàng Việt	6.074.625	6.074.625	10,66%	0	0		0	0	0
	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD									
1.4	Đinh Xuân Cường	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD kiêm Giám đốc Tài chính									

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		tại ngày trở thành cổ đông lớn 29/05/2017			tại ngày 11/01/2021			dự kiến sau phát hành		
1.5	Phạm Đỗ Huy Cường	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách nội chính									
1.6	Nguyễn Thị Tien	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thành viên HĐQT									
1.7	Nirav Sudhir Patel	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holding

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách tài chính	Thành viên HĐQT điều hành
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	Thành viên HĐQT điều hành
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

a. Chủ tịch HĐQT – Phạm Ánh Dương

- Họ và tên: Phạm Ánh Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/05/1976
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 012144877 Nơi cấp: 08/06/2007 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2000	Nhân viên Kế toán	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC
2000 – 2002	Kế toán trưởng.	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo
2002 – 2007	Giám đốc	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – Nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2007 – 05/2012	Chủ tịch HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái
2010 – 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
04/2017 - Nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Chủ tịch HĐQT

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: sở hữu 4.300.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên HĐQT – Nguyễn Lê Trung

- Họ và tên: Nguyễn Lê Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/11/1976
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 3, ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013164787 Nơi cấp: 08/06/2007 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1998 – 2002	Nhân viên	Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS
2002 – 2007	Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2007 – 2009	Kế toán trưởng	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2007 – 05/2012	Thành viên HĐQT	CTCP Đầu tư An Phát
2009 – 2015	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries)
7/2011 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
06/2017 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Phó Chủ tịch HĐQT

- Khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: sở hữu 2.850.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên HĐQT – Ông Phạm Hoàng Việt

- Họ và tên: Phạm Hoàng Việt
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/12/1981
- Nơi sinh: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 49, TT Viện Khoa học Việt Nam, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 001081010137 Nơi cấp: 21/10/2015 Ngày cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings; Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Thành Bicsol; Chủ tịch Công ty TNHH Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát

– Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2007	Trưởng phòng kinh doanh	Công ty TNHH Anh Hai Duy (tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2007 – 11/2010	Giám đốc	Công ty Cổ phần đầu tư An Phát
2009 – 2015	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Khoáng Sản An Phát – Yên Bái (nay là Công ty Cổ phần An Tiến Industries)
3/2014 – 4/2016	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa, Bao bì Vinh
2007 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
12/2012 đến 2/2018	Phó tổng giám đốc	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
10/2017 – 03/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát
2/2018 – 01/2019	Chủ tịch HĐQT	CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường
2018 – 04/2019	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
04/2019 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol
03/2018 - nay	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát
06/2017 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Sở hữu 2.850.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên HĐQT – Ông Đinh Xuân Cường

- Họ và tên: Đinh Xuân Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1976
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 31/115, Trần Cung, Hà Nội
- Số CMND: 011976518 Nơi cấp: 06/06/2008 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách công tác đối ngoại và quan hệ quốc tế kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2003 – 2006	Trader	Calyon Corporate & Investment Bank, Paris, Pháp
2007 – 2010	Phó Tổng Giám đốc	INB Investment, Việt Nam
2011	Phó Tổng Giám đốc	Tập đoàn Ocean
7/2017 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
7/2017 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh
2/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
09/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần An Tiến Industries
02/2020 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
08/2017 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Phó Chủ tịch HĐQT phụ trách công tác đối ngoại kiêm Tổng Giám đốc

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Sở hữu 2.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và sở hữu 90.942 cổ phần của Công ty Cổ phần An Tiến Industries
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

e. Thành viên HĐQT – Bà Hòa Thị Thu Hà

- Họ và tên: Hòa Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/11/1978
- Nơi sinh: Ưông Bí – Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu 5, phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 022178001014 Ngày cấp: 24/11/2016
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội; Phó Giám đốc Ban Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 - 2002	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Khang Vinh
2003 - 2005	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Hưng Việt
2005 – 3/2007	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2006 -2009	Trưởng phòng kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2010 -3/2018	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát
4/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	
6/2020 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
07/2019 - Nay	Phó Giám đốc Ban tài chính	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Phó Giám đốc Ban tài chính

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: có tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

f. Thành viên HĐQT – Bà Trần Thị Thoản

- Họ và tên: Trần Thị Thoản
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 27/07/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: thị trấn Nam Sách, Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030185005251 Ngày cấp: 22/03/2017
- Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2007 – 09/2009	Phụ trách Đối ngoại	Công ty TNHH XQ Việt Nam
2009 – 12/2015	Giám đốc trung tâm kinh doanh	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
12/2015 – 03/2017	Phó Tổng giám đốc Phụ trách kinh doanh	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
03/2017 – 02/2018	Phó Tổng giám đốc Phụ trách sản xuất	CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát
03/2018 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực	CTCP Nhựa An Phát Xanh
05/02/2021 – đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

g. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Tiễn

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tiễn
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/10/1985
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1701, Tầng 17, Chung cư A5 An Bình City, 232 Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 142275774 Nơi cấp: 31/12/2017 Ngày cấp: CA Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc nội chính Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
07/2007 – 07/2008	Nhân viên hành chính	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
08/2008 – 08/2009	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
09/2009 – 09/2010	Chuyên viên Ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
10/2010 – 12/2017	Trưởng ban Thư ký	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
01/2018 – 05/2019	Phó chánh văn phòng	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
05/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
02/2020 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Sở hữu của người có liên quan 117.920.910 cổ phần, chiếm 53,18% vốn điều lệ

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
1.	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Giấy ĐKKD: 0801210129 Ngày cấp: 07/07/2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	117.920.910	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 1.500.000 cổ phần Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

3.2 Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Bà Nguyễn Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Lê Trung

Đã trình bày ở mục HĐQT.

b. Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính – Bà Hòa Thị Thu Hà

Đã trình bày ở mục HĐQT

c. Phó Tổng Giám đốc thường trực – Bà Trần Thị Thoản

Đã trình bày ở mục HĐQT

d. Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất – Ông Ngô Văn Thụ

- Họ và tên: Ngô Văn Thụ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/08/1982
- Nơi sinh: Thôn Lũy Dương- Xã Gia Lương – Huyện Gia Lộc – Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thôn Lũy Dương- Xã Gia Lương – Huyện Gia Lộc – Tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 030082006458
- Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương Ngày cấp: 31/01/2018
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa hữu cơ
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2005 - 2009	Điều phối viên Kỹ thuật	Công ty TNHH Sơn Joton
2009 đến nay	Giám đốc Nhà máy	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
08/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

thường niên

- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

e. Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh – Bà Lâm Thị Hiền

- Họ và tên: Lâm Thị Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 26/02/1987
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Công Đình, Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội
- Số CMND: 012763793 Nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội Ngày cấp: 09/06/2011
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quốc tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Kinh doanh
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
5/2010 - 4/2011	Nhân viên bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Visimex
5/2011 - 5/2012	Trưởng phòng bán hàng quốc tế - Văn phòng Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần Visimex
7/2012 - 3/2015	Trưởng nhóm bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
4/2015 – 2/2017	Phó phòng Bán hàng Quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
3/2017 - 9/2020	Trưởng phòng bán hàng quốc tế	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
10/2020 – nay	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Kinh doanh	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

f. Kế toán trưởng - Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Vân
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/11/1984
- Nơi sinh: Quang Khải – Tứ Kỳ- Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Quang Khải – Tứ Kỳ- Hải Dương
- Số CMND: 030184008761 Nơi cấp: CA Hải Dương Ngày cấp: 12/03/2018
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2009-2016	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2016-2018	Phó phòng Kế toán	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh
4/2018 - nay	Quyền Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 420.000 cổ phần, chiếm 0,19% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng BKS – Bà Nguyễn Thị Giang

- Họ và tên: Nguyễn Thị Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/11/1983
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 47, Ngõ 1, Đường Hoàng Ngân, Khu 2, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Số CMND: 142017624 Nơi cấp: 13/06/2013 Ngày cấp: CA tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2008 đến 2015	Kế toán	CTCP Nhựa An Phát xanh

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2015 đến 03/2016	Ban kiểm soát nội bộ	CTCP Nhựa An Phát xanh
Từ 03/2016 đến nay	Trưởng BKS	CTCP Nhựa An Phát xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên BKS – Bà Nguyễn Thị Phụng

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phụng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 17/01/1989
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Hợp Tiến, Nam Sách, Hải Dương
- Số CMND: 142407306 Nơi cấp: 12/05/2005 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 06/2011 đến nay	Nhân viên	CTCP Nhựa An Phát xanh

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 06/2018 đến nay	Thành viên BKS	CTCP Nhựa An Phát xanh

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên BKS – Bà Văn Thị Lan Anh

- Họ và tên: Văn Thị Lan Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 29/06/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 03, tổ 33, thị trấn Đông Anh, Hà Nội
- Số CMND: 011873650 Nơi cấp: 25/02/2010 Ngày cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp điện
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 2002 đến 09/2004	Công nhân	Công ty xây lắp điện 4
Từ 10/2004 đến 03/2007	Nhân viên văn phòng	Công ty TNHH Anh Hai Duy

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 03/2007 đến nay	Nhân viên văn phòng	CTCP Nhựa An Phát xanh
Từ 04/2009 đến nay	Thành viên BKS	CTCP Nhựa An Phát xanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức phát hành: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên
- Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức phát hành: Không

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

75.000.000 cổ phiếu tương đương 33,82% tổng số cổ phần đã phát hành.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

750.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi tỷ đồng*)

5. Giá chào bán dự kiến

Giá khởi điểm đầu giá dự kiến là 14.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2020 là **17.566** đồng/cổ phiếu

Vốn chủ sở hữu - lợi ích cổ đông không kiểm soát

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phần} &= \frac{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}{171.199.976} \\ &= \frac{3.241.598.335.108 - 234.344.872.256}{171.199.976} = 17.566 \text{ đồng/cp} \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2020 là **16.051** đồng/cổ phiếu

Vốn chủ sở hữu

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phần} &= \frac{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}{171.199.976} \\ &= \frac{2.747.901.478.350}{171.199.976} = 16.051 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu AAA bình quân 30 phiên gần nhất (từ ngày 01/12/2020 đến ngày 12/01/2021) là **13.828** đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá khởi điểm bán đấu giá cổ phiếu được xác định bằng 87,22% giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán hoặc soát xét kỳ gần nhất và 79,7% giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính Hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét kỳ gần nhất, và bằng 101,24 % so với giá trị cổ phiếu AAA đang được giao dịch trên thị trường.

7. Phương thức phân phối

Cổ phiếu sẽ được chào bán ra công chúng theo hình thức bán đấu giá công khai qua Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh cam kết không phân phối cho các công ty con đảm bảo thực hiện theo Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”

Toàn bộ số cổ phiếu không bán đấu giá không thành công được HĐQT tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Do thực hiện việc phân phối cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá công khai nên Công ty sẽ công bố chính thức thời gian đăng ký mua, phương thức thanh toán, số lượng cổ phiếu đặt mua

tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại cọc trong trường hợp nhà đầu tư không được mua hết số lượng cổ phiếu đăng ký mua và các hướng dẫn chi tiết khác cho các nhà đầu tư quan tâm trong Quy chế đấu giá, sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng từ Ủy ban chứng khoán Nhà nước và chốt Quy chế đấu giá với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phương thức thanh toán tiền đặt cọc mua cổ phần và thanh toán tiền mua cổ phần trúng giá sẽ được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý II/2021 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Thời gian phát hành cổ phiếu cụ thể sẽ được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần.

Thời điểm dự kiến công bố Quy chế đấu giá: Dự kiến Quý II/2021 sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán.

Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Nộp hồ sơ đăng ký bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.	D đến D+7
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D đến D+7
4	Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần và nộp tiền cọc	D + 10 đến D +30
5	Nhà đầu tư bỏ phiếu tham dự đấu giá	D + 30 đến D + 40
6	Tổ chức đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán	D + 41
7	Trả tiền cọc cho nhà đầu tư không trúng giá	D + 42 đến D + 46
8	Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần	D + 42 đến D + 51

9	AAA thực hiện phân phối số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho các nhà đầu tư khác	D+52 đến D+55 (có thể thay đổi tùy thuộc vào khả năng phân phối tại thời điểm chào bán)
10	Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	D + 56
11	AAA thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung, niêm yết cổ phiếu bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công	D + 60
12	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông chưa lưu ký	D + 60

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu không phân phối hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

11. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
- Số tài khoản phong toả: 46010003897064
- Tại ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Dương

12. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Công văn số 5383/UBCK-PTTT ngày 03/09/2020 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%. Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Công ty.

13. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định của pháp luật hiện hành

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Hiện nay,

14. Thông tin về các cam kết

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 050202/2021/NQ-HĐQT, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh cam kết về việc thực hiện niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

15. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 050201/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2021, toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho một hoặc một số mục đích như sau:

- Đầu tư góp vốn, mua cổ phần Công ty con, Công ty liên kết để tăng tỷ lệ sở hữu;
- Cân đối lại cấu trúc vốn, tái cấu trúc khoản nợ, giảm bớt đòn bẩy tài chính, củng cố vị thế với các tổ chức tín dụng, tăng cường sự phát triển của Công ty;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số cổ phần phát hành:	75.000.000 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm bán đấu giá:	14.000 đồng/cổ phần

Tổng số tiền dự kiến thu được: 1.050.000.000.000 đồng (Một nghìn không trăm năm mươi tỷ đồng)

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được thông qua tại nghị quyết HĐQT số 050201/2021/NQ - HĐQT ngày 05/02/2021. Cụ thể toàn bộ số vốn thu được từ các đợt phát hành, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho các mục đích như sau:

Bảng 29: Mục đích sử dụng vốn chi tiết

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, nợ trái phiếu,..)	778.200.000.000	Quý III – Quý IV/2021
	Trả nợ vay trung hạn, nợ trái phiếu		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>76.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>10.800.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ trái phiếu phát hành năm 2018</i>	<i>400.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở Giao dịch</i>	<i>7.605.781.976</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>Quý III/ 2021</i>
	Trả nợ vay ngắn hạn		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>144.914.572.108</i>	<i>Quý III/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>7.479.127.809</i>	<i>Quý III/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>18.530.901.445</i>	<i>Quý II/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Sinopac – chi nhánh Hồ Chí Minh.</i>	<i>56.869.616.662</i>	<i>Quý III/2021</i>

2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải,...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động.	271.800.000.000	Quý III/2021
	<i>Mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu, dịch vụ vận tải,.....)</i>	221.800.000.000	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Thanh toán lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động</i>	50.000.000.000	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	Tổng cộng	1.050.000.000.000	

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán ra công chúng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3377 6699

Fax: +84 24 3373 6699

Website: www.sbsi.vn

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers hoạt động theo Giấy phép số 83/UBCK-GP ngày 16/01/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 09/09/2020 do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã tiến

hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng để đưa ra đánh giá về đợt chào bán, cụ thể như sau.

Cổ phiếu AAA được nhà đầu tư đánh giá cao về năng lực hoạt động và tiềm năng phát triển. Khối lượng giao dịch bình quân trên thị trường lớn, khả năng thanh khoản cao cùng chính sách chia cổ tức đều đặn tạo sức hấp dẫn đối với cả nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức. Việc chào bán thêm 75.000.000 cổ phiếu ra công chúng sẽ được thị trường quan tâm, đặc biệt các tổ chức muốn nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty. Với việc sử dụng tiền thu được để đầu tư vào các Công ty con và/hoặc tái cơ cấu nợ và/hoặc bổ sung vốn lưu động, chúng tôi tin tưởng đợt chào bán thành công theo đúng kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM ANH DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LÊ TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ GIANG

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
4. Phụ lục IV: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019. Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập năm 2020
5. Phụ lục V: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2018, 2019. Báo cáo tài chính riêng tự lập năm 2020
6. Các phụ lục khác.

